

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI MẠNH TRUNG

**TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY
TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NINH**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. Đặng Quang Phương

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả luận văn

Bùi Mạnh Trung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	6
1.1. Những vấn đề lý luận về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	6
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	24
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC Ở TỈNH QUẢNG NINH	31
2.1. Những yêu cầu bảo đảm xét xử đúng pháp luật đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	31
2.2. Thực tiễn định tội danh về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	41
2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.	54
2.4. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn xét xử.....	58
Chương 3: CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÉT XỬ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC.....	61
3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng xét xử tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác....	61
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	64
KẾT LUẬN.....	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	76

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CYGGT	Cố ý gây thương tích
CTTT	Cấu thành tội phạm
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
QĐHP	Quyết định hình phạt
THTT	Tiến hành tố tụng
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

- Bảng 1.1: Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người với tội giết người
- Bảng 1.2: Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tội giết người chưa đạt
- Bảng 2.1: Số liệu, tỷ lệ tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tội phạm nói chung
- Bảng 2.2: Số liệu, tỷ lệ tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với với các tội xâm phạm về tính mạng sức khỏe nói chung
- Bảng 2.3: Kết quả xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo từng khoản cụ thể
- Bảng 2.4: Hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo bị xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước “của dân, do dân, vì dân”, chính vì thế song song với các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng và nhà nước ta luôn chú trọng đến bảo vệ quyền công dân hay còn gọi là quyền con người. Quyền con người luôn gắn chặt với các hoạt động xã hội, các mối quan hệ xã hội và các phương thức sống của cá nhân. Quyền con người là biểu hiện của tiêu chí tác động qua lại, củng cố các mối liên hệ, phối hợp hành động và hoạt động giữa con người và con người, ngăn ngừa các mâu thuẫn đối đầu và xung đột giữa họ trên cơ sở kết hợp tự do cá nhân với tự do của những người khác, với hoạt động bình thường của Nhà nước và xã hội. Quyền con người bao gồm: Quyền được sống, quyền được tôn trọng danh dự, nhân phẩm, được bất khả xâm phạm về thân thể, được tự do ngôn luận, tự do chính kiến, tự do tín ngưỡng được tham gia vào các quá trình chính trị. Bảo đảm quyền con người cũng chính là tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự xã hội, góp phần ổn định đất nước.

Trong xu thế phát triển chung của thế giới, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển mạnh mẽ về cả kinh tế và xã hội. Tuy nhiên xã hội càng phát triển thì các tệ nạn xã hội cũng phát triển theo. Đã có không ít người quên đi bản chất vốn có của con người Việt Nam là ôn hòa, tích cực lao động, giàu lòng nhân ái và vị tha, để có lối sống buông thả, băng hoại về tư cách đạo đức, thực hiện nhiều hành vi trái đạo đức xã hội, không những xâm phạm đến quyền lợi của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của các công dân khác. Pháp luật của Nhà nước ban hành dù có nhanh tới đâu cũng không thể ngay lập tức bao quát toàn bộ sự phát triển của xã hội, không những thế, xã hội phát triển vô cùng khó lường nên tội phạm ngày càng tinh vi và nguy hiểm hơn.

Tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là một điển hình trong xu hướng phát triển của tội phạm trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Do đặc thù tỉnh Quảng Ninh là một tỉnh thuộc khu vực miền núi Đông Bắc Bắc Bộ, nhiều nơi trình độ văn hóa chưa cao, nhiều vùng có nhiều đồng bào dân tộc, lại là tỉnh có điều kiện kinh tế

và địa chất đặc biệt với trữ lượng than đá cao nhất nước nói riêng cũng như nhất trong khu vực nói chung. Người dân ở đây chủ yếu sống phụ thuộc vào du lịch và các hoạt động liên quan đến khai thác khoáng sản. Chính vì thế loại tội phạm liên quan đến quá trình khai thác khoáng sản là rất phổ biến, từ đó biến tấu thành nhiều tội phạm khác nhau. Trong những năm gần đây, trữ lượng than đá đã giảm đi đáng kể, cộng với sự vào cuộc của các cơ quan chức năng, việc khai thác khoáng sản phi pháp giảm đi nên những tội phạm khác lại gia tăng do phần lớn người phạm tội thất nghiệp, không có công ăn việc làm, chuyển hướng làm ăn và phạm tội khác. Bên cạnh đó, sự tranh giành địa bàn cũng như bảo vệ địa bàn cũng là một vấn đề nhức nhối, gây nhiều khó khăn trong quá trình ổn định trật tự xã hội. Tội phạm liên quan đến hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trước đây phổ biến nay càng phổ biến và ngày càng mạnh động. Người phạm tội thường sử dụng các loại hung khí nguy hiểm (dao, mã tấu, súng, công cụ tự chế...) để gây thương tích cho người khác. Trong đó nhiều vụ án thanh toán đẫm máu khiến nhiều nạn nhân thiệt mạng.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hằng năm vẫn thụ lý và xét xử rất nhiều vụ án phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tổng cộng từ đầu năm 2011 đến cuối năm 2015, toàn tỉnh đã xét xử 7225 vụ, 12418 bị cáo, trong đó có 661 vụ, 1061 bị cáo phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Số liệu này cho thấy, loại tội phạm này xảy ra và được xét xử chiếm tỷ lệ cao trong các tội phạm trên địa bàn.

Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để xử lý loại tội phạm này vẫn còn những nhận thức khác nhau; Nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về một số tình tiết vẫn chưa có sự thống nhất trong nhận thức áp dụng, có những trường hợp định sai tội danh, bỏ lọt tội phạm dẫn đến vụ án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc bị sửa, hủy.... Một số vụ án bị kéo dài do chờ kết quả giám định tỷ lệ tổn thương. Việc khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp như đối tượng phạm tội mua chuộc, đe dọa người bị hại dẫn đến không dám yêu cầu khởi tố, không đi giám định thương tật... Tình hình trên do nhiều nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Với ý

nghĩa góp phần giải đáp những yêu cầu nói trên, đóng góp những tri thức lý luận nhằm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học pháp luật hình sự và phục vụ cho công tác đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay, tác giả đã chọn “Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thực tế trước đây đã có một số đề tài, công trình nghiên cứu khoa học về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của một số tác giả như: Luận văn thạc sĩ luật học “Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên” của tác giả Nguyễn Văn Việt – Học viện khoa học xã hội, năm 2016; Luận án tiến sĩ luật học “Đấu tranh phòng, chống tội CYGTT trên địa bàn tỉnh Thái Bình” của tác giả Phạm Thị Mỹ Hương – Học viện khoa học xã hội năm 2015; Luận văn thạc sĩ luật học “Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam” của tác giả Ngô Đình Tài – Học viện khoa học xã hội năm 2013...Tuy nhiên những luận văn trên cũng có những khác biệt do những khác biệt về đặc thù kinh tế, chính trị, xã hội hay đơn giản nhất là khác biệt về địa chất từng vùng miền. Vì vậy, việc nghiên cứu về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam trên địa bàn một trong những tỉnh có nền kinh tế phát triển nhất vùng Đông Bắc Bắc Bộ - tỉnh Quảng Ninh - sẽ mang tới những cái nhìn mới mẻ hơn về thực tiễn của loại tội phạm này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những thành quả của các đề tài, công trình nghiên cứu đi trước, luận văn hướng tới mục đích nghiên cứu sâu sắc thêm về mặt lý luận của các quy định của pháp luật về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thông qua việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn loại tội phạm này trên

địa bàn tỉnh Quảng Ninh, từ đó đề ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác xét xử và đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để làm sáng tỏ các mục đích nghiên cứu trên, luận văn đi vào thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu về các vấn đề lý luận chung của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu về thực tiễn định tội danh và thực tiễn QĐHP đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong thời gian 05 năm (từ năm 2011 đến năm 2015).

- Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn áp dụng pháp luật của các cơ quan THTT tại tỉnh Quảng Ninh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc định tội danh và QĐHP đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong thời gian 05 năm, từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn giải quyết các nội dung khoa học của đề tài dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng của Triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành; các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học trước đó và các tài liệu tham khảo chuyên ngành. Đồng thời, luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê số liệu; phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp logic, phương pháp khảo sát, thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học của tác giả dưới góc độ luật hình sự, có ý nghĩa về mặt lý luận cũng như thực tiễn đối với công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung.

Về mặt lý luận, luận văn là công trình đóng góp cho việc hoàn thiện hơn về nhận thức của chúng ta và đặc biệt là các cơ quan áp dụng pháp luật đối với bản chất loại tội phạm này, đồng thời luận văn còn có ý nghĩa góp phần làm phong phú thêm nguồn tài liệu tham khảo nhằm phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học pháp luật hình sự.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu thể hiện trong luận văn là tư liệu góp phần giúp đỡ các cơ quan THTT và người THTT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh cũng như trên phạm vi toàn quốc áp dụng đúng các quy định của pháp luật về tội phạm này trong thực tiễn, nhận thức đầy đủ và chính xác trong việc định tội danh và QĐHP đối với loại tội phạm này, tránh bỏ lọt tội phạm và xử lý oan người vô tội, đóng góp cho việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được cơ cấu thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 2: Thực tiễn xét xử tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Quảng Ninh.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng xét xử tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1. Những vấn đề lý luận về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.1.1. Khái niệm

Trong một xã hội, tình hình tội phạm luôn luôn tồn tại và thay đổi theo từng thời kì cả về nội dung và hình thức. Tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực, các hoạt động tội phạm luôn đi ngược lại với lợi ích xã hội, gây ra thiệt hại cho xã hội.

Trong khoa học pháp lý hình sự, khái niệm tội phạm là một trong những vấn đề trung tâm được nghiên cứu. Từ xưa đến nay, các nhà khoa học đã phải tốn rất nhiều công sức để nghiên cứu về tội phạm. Từ đó cũng có nhiều quan điểm và định nghĩa về tội phạm khác nhau. Theo GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa và PGS.TS Lê Thị Sơn thì: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt*”. [10, tr. 253]

Như vậy, về mặt khoa học các nhà nghiên cứu đã đưa ra định nghĩa tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; tội phạm được quy định trong BLHS; tội phạm do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện; người thực hiện hành vi phạm tội một cách có lỗi (cố ý hoặc vô ý) và tội phạm xâm phạm đến một hoặc nhiều quan hệ xã hội được Luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Theo BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (khoản 1 Điều 8 BLHS) khái niệm tội phạm: “*Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa*”. [24, tr.10]

Từ đó, quy định về tội phạm nêu trên có thể coi là quy định có tính khoa học, thể hiện tập trung nhất quan điểm của Nhà nước ta về tội phạm. Nội hàm của khái niệm tội phạm có các dấu hiệu cơ bản làm căn cứ để phân biệt tội phạm với những hành vi không phải là tội phạm, đó là: tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt.

Trên cơ sở khái niệm và các dấu hiệu của tội phạm, các quy định của BLHS hiện hành, có tác giả đã đưa ra khái niệm về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như sau:

“Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi tác động trái pháp luật đến thân thể của người khác, gây thiệt hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn hại về sức khỏe của người khác trong các trường hợp luật định.”[11, tr. 96 - 97]

Trước hết, tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một tội phạm cụ thể, nó có đầy đủ các dấu hiệu của một tội phạm, đó là:

Tính nguy hiểm cho xã hội: Được biểu hiện ở chỗ người phạm tội có hành vi tác động trái pháp luật trên cơ thể người khác, làm tổn thương một bộ phận hay toàn bộ cơ thể của người khác như: làm gãy tay, gãy chân, cụt tay, cụt chân, mù mắt... dẫn đến việc người bị hại bị thương tích hoặc bị tổn hại đến sức khỏe ở một tỷ lệ nhất định.

Tính có lỗi: Đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, theo quy định của BLHS thể hiện lỗi của người thực hiện tội phạm là cố ý. Tức người phạm tội nhận thức rõ hành vi tác động trái pháp luật lên cơ thể người khác là hành vi có thể gây thương tích và mong muốn gây thương tích cho nạn nhân hoặc chấp nhận để cho hậu quả nạn nhân bị thương tích, bị tổn hại sức khỏe xảy ra. Người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thực hiện hành vi với hình thức lỗi cố ý. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do lỗi cố ý là dấu hiệu bắt buộc của loại tội phạm này.

Tính trái pháp luật hình sự: Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thể hiện ở việc người phạm tội thực hiện những hành vi bị Luật hình sự ngăn cấm và bảo vệ tại Điều 104 BLHS.

Tính chịu hình phạt: Là dấu hiệu cơ bản của loại tội phạm, chỉ có hành vi phạm tội mới phải chịu hình phạt theo quy định của BLHS. Đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, các hình phạt được quy định trong BLHS để áp dụng đối với người thực hiện tội phạm này là: cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân.

Cũng từ khái niệm trên, tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được hiểu là:

Hành vi phạm tội là sự tác động đến thân thể người khác một cách trái pháp luật, có khả năng gây ra những thương tích nhất định, làm tổn hại đến sức khỏe của con người. Những hành vi này có thể được thực hiện với công cụ, phương tiện phạm tội (đâm, chém, bắn, đốt, ném đá...) hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội (đấm, đá, đạp, xô đẩy, cắn...) hoặc có thể thông qua súc vật (thả chó cắn, bò đá, trâu hút...) hay sử dụng cơ thể người khác (nắm chân người khác làm côn đánh, ôm người này ném người khác...).

+ Gây thương tích cho người khác: Là hành vi mà người phạm tội tác động trái pháp luật lên thân thể của người khác, làm cho người đó có những thương tích nhất định. Việc tác động lên thân thể người khác có thể bằng chân, tay hoặc các công cụ phương tiện hỗ trợ như dao, súng, gậy, công cụ phương tiện tự chế... làm cho nạn nhân mất đi một hay nhiều bộ phận trên thân thể gây ra những thương tích với một tỷ lệ nhất định cho nạn nhân.

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Là hành vi mà người phạm tội tác động trái pháp luật lên thân thể người khác, làm cho sức khỏe nạn nhân yếu đi, không còn nguyên vẹn như trước dù không để lại dấu vết trên thân thể họ.

Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có dấu hiệu bắt buộc là phải có hậu quả thương tích, phải có hậu quả xảy ra làm tổn hại các chức năng, bộ phận trên cơ thể con người (Ví dụ: làm tổn thương hệ thần kinh, làm rối loạn hệ tuần hoàn, rối loạn hệ tiêu hóa...) mức độ thương tích để truy cứu TNHS là: Tỷ lệ thương tích: Là tỷ lệ mất sức lao động vĩnh viễn dựa trên kết quả của giám định pháp y, của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hành vi phạm

tội được thực hiện với lỗi cố ý; Chủ thể: Là người đủ độ tuổi theo quy định và có năng lực TNHS.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự xâm phạm đến thân thể, sức khỏe của người khác với lỗi cố ý.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Dấu hiệu pháp lý của tội phạm được thể hiện qua 4 yếu tố CTTP, đó là:

- Khách thể của tội phạm;
- Mặt khách quan của tội phạm;
- Mặt chủ quan của tội phạm;
- Chủ thể của tội phạm.

- Do vậy, việc xác định dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm nói chung và “tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” nói riêng chính là việc xác định cụ thể 4 yếu tố nói trên.

1.1.2.1. Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trong khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn các ý kiến đều thống nhất khách thể của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại hoặc đe dọa gây thiệt hại ở một mức độ nhất định. Trong tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác thì khách thể trực tiếp chính là sức khỏe con người. Bởi vì con người là chủ thể của hầu hết mọi quan hệ xã hội, khi quyền được tôn trọng và bảo vệ về thân thể, sức khỏe của con người bị xâm phạm nó làm phá vỡ sự ổn định của các mối quan hệ đó. Trong Luật hình sự Việt Nam, khách thể được bảo vệ là: “*Độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực*

khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa” - khoản 1 điều 8 BLHS [24]. Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS có quy định hình phạt nghiêm khắc nhất là tù chung thân. Điều này khẳng định quyền bảo vệ về sức khỏe của con người là thiêng liêng, cao quý và cần được bảo vệ tuyệt đối. Đồng thời cũng thể hiện thái độ của nhà nước với tội phạm này một cách kiên quyết, bất kỳ ai xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe của con người đều bị trừng trị thích đáng.

Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe của con người thông qua sự tác động làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động. Đối tượng tác động là sức khỏe của trẻ em , người già, phụ nữ có thai, người không có khả năng tự vệ, thì TNHS đối với người phạm tội sẽ nặng hơn. Việc xác định đúng đối tượng tác động của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là vô cùng quan trọng. Bởi lẽ nếu hành vi tác động vào đối tượng không phải con người, không phải người còn sống thì không xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe, nên không phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hoặc có những trường hợp, một cá nhân nào đó tự gây thương tích cho mình vì một lý do nào đó thì không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều 104 BLHS. [45,tr89].

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Mặt khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. [44,tr90].

Mặt khách quan của tội phạm là một trong 4 yếu tố của tội phạm. Không có mặt khách quan thì không có các yếu tố khác của tội phạm và cũng không có tội phạm nói chung cũng như không có tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Dấu hiệu của mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện ra bên ngoài bằng giác quan mà con người có thể nhận biết được bao gồm:

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội;

- Hậu quả nguy hiểm cho xã hội;
- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả.

Trong mặt khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản và quan trọng nhất. Các dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan như: hậu quả, mối quan hệ nhân quả công cụ phương tiện phạm tội... chỉ có ý nghĩa khi có hành vi khách quan. Hay nói cách khác không thể truy cứu TNHS đối với người không thực hiện hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra bên ngoài thế giới khách quan nhưng không được ý thức kiểm soát hoặc tuy được ý thức kiểm soát nhưng không được ý chí điều khiển thì cũng không phải là hành vi khách quan của tội phạm. Hành vi khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể được thực hiện thông qua hành động hoặc không hành động. Hành động phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bình thường đối tượng tác động của tội phạm, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, qua việc chủ thể của tội phạm làm một việc mà pháp luật cấm. Không hành động phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bất bình thường đối tượng tác động của tội phạm, xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, qua việc chủ thể tội phạm không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm, mặc dù có đủ điều kiện để làm.

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra ngoài thế giới khách quan có sự kiểm soát của ý thức và điều khiển ý chí. Đây là điều kiện cần, điều kiện đủ là hành vi đó phải có khả năng gây ra thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Những hành vi này có khả năng gây ra những thương tích nhất định hoặc làm tổn hại đến sức khỏe của con người. Những hành vi này có khả năng gây ra những thương tích nhất định hoặc làm tổn hại đến sức khỏe của con người. Những hành vi này có thể được thực hiện bằng các công cụ, phương tiện phạm tội như đâm chém, đầu độc..., hoặc không có công cụ, phương tiện phạm

tội như đấm, đá hoặc có thể thông qua các loại súc vật như thả chó cắn, bò đá... Đây là những hành vi hành động hoặc không hành động.

Hậu quả do hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chính là thiệt hại do hành vi khách quan gây ra cho quan hệ nhân thân, cho quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người. Thiệt hại này được thể hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất, hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc xác định hậu quả xảy ra trên thực tế hay không, tính chất, mức độ của hậu quả xảy ra trên thực tế có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định có đủ yếu tố CTTP hay không, đảm bảo xét xử đúng người đúng tội và có vai trò quan trọng trong việc QĐHP.

Về mức độ thương tích phải chịu TNHS: Tỷ lệ thương tích: Là tỷ lệ mất sức lao động vĩnh viễn dựa trên kết quả của giám định pháp y, nhưng trong trường hợp cần thiết có thể dựa trên kết luận của bác sỹ điều trị khi tiếp nhận bệnh nhân. Về thực tiễn, nếu tỷ lệ thương tật dưới 11% không gây cố tật thì được coi là thương tích nhẹ, chưa phải chịu TNHS. Nếu tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên là tỷ lệ cần thiết để truy cứu TNHS. Tuy nhiên, có một số trường hợp tỷ lệ thương tật không đến 11% nhưng lại thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 thì hành vi đó vẫn phải bị truy cứu TNHS. Như vậy, hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp sau thì cũng phạm tội:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hiểm cho nhiều người:

Hung khí nguy hiểm là phương tiện mà người phạm tội dùng vào việc thực hiện tội phạm (như dao, súng, thuốc nổ, axit...), nó có khả năng gây ra nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của con người.

Phương tiện nguy hiểm là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị

tấn công, cụ thể công cụ, dụng cụ như búa đinh, dao phay, các loại dao sắc nhọn...; vật mà người phạm tội chế tạo ra như thanh sắt mài nhọn, côn gỗ...; vật có sẵn trong tự nhiên như đá, gạch, đoạn dây cứng chắc, thanh sắt...

Dùng thủ đoạn gây nguy hiểm cho nhiều người là hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người, ví dụ như đổ xăng đốt nhà vào thời điểm mọi thành viên của gia đình người bị hại đang ở nhà làm cho nhiều người bị bỏng nặng hoặc trường hợp hoặc người phạm tội sử dụng thuốc ngủ, thuốc mê với liều lượng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân, đầu độc nạn nhân; nhốt nạn nhân vào nơi nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe, dùng dây kéo qua đường để làm cho nạn nhân đi mô tô, xe máy vấp ngã để gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe cho từ hai người trở lên. Tình tiết này được quy định là tình tiết định khung tăng nặng bởi vì, nó thể hiện sự nham hiểm độc ác và sự nguy hại lớn cho xã hội hơn hẳn các trường hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe thông thường khác.

b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân:

Theo nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP của HĐTP TANDTC thì: “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” được hiểu là hậu quả của hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân gây nên trạng thái bất thường không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể nạn nhân, làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân.

c) Phạm tội nhiều lần:

Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người: phạm tội nhiều lần đối với cùng một người là phạm tội từ hai lần trở lên mà những lần phạm tội trước đó chưa bị xử lý; phạm tội đối với nhiều người là phạm tội đối với từ hai người trở lên trong cùng một lần phạm tội.

d) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự bảo vệ:

Trẻ em trong trường hợp này cần được hiểu là người chưa đủ 16 tuổi, đây là tình tiết định khung tăng nặng mới được quy định bổ sung trong BLHS, quy định này không những giúp nghiêm trị những người có hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của trẻ em, mà còn đảm bảo thực hiện các quy định của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em ngày 20/11/1989 mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn ngày 20/2/1990 về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

Phụ nữ đang có thai là trường hợp cố ý gây ra những thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người phụ nữ đang mang thai. Việc xác định nạn nhân là phụ nữ có thai hay không, căn cứ vào những chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai như: bị can, bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Việc xác định là có thai hay không, phải có kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định; Người già yếu là người từ 60 tuổi trở lên, sinh hoạt, đi lại khó khăn... Người ốm đau là người đang bị bệnh tật có thể đang điều trị ở bệnh viện ở cơ sở y tế tư nhân hoặc ở tại nhà riêng của họ; Người không có khả năng tự vệ là người do bị khiếm khuyết về thể chất như người bị khuyết tật bẩm sinh hoặc tàn tật do tai nạn như bị tâm thần, bại liệt, mù lòa, liệt tay chân... làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình. Những người không có khả năng tự vệ luôn luôn ở trong tình trạng không thể tự vệ được khi bị người khác thực hiện hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình [36, tr. 84].

d) Phạm tội đối với ông bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình:

Ông, bà gồm ông, bà nội, ông, bà ngoại; cha, mẹ là người đã sinh ra người phạm tội; cha, mẹ nuôi là người đã nhận người phạm tội làm con nuôi được pháp luật thừa nhận. Người nuôi dưỡng là người chăm sóc, giáo dục, quản lý như vai trò của bố mẹ đẻ. Thầy, cô giáo trong trường hợp này chính là những người đã trực tiếp giảng dạy cho người phạm tội về văn hóa, chuyên môn, nghề nghiệp...

e) Phạm tội có tổ chức:

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Sự

cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm thể hiện mức độ liên kết, mức độ phân hóa vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng người.

g) Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục

Người bị tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ; Người bị tạm giam là bị can, bị cáo, bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp tạm giam. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên phạm tội là biện pháp do Tòa án quyết định, áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy không cần thiết áp dụng hình phạt với họ, nhưng do tính chất của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào trường giáo dưỡng. Như vậy, có thể thấy những người bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục là những người đang bị áp dụng biện pháp đặc biệt để quản lý họ, trong thời gian này những người bị tạm giữ, tạm giam cần phải tuyệt đối tuân thủ quy định pháp luật. Để xác định thời gian này cần căn cứ vào quyết định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê

Gây thương tích thuê là trường hợp người phạm tội vì lợi ích vật chất từ người khác, mặc dù có thể không mâu thuẫn, thù hằn gì với nạn nhân, mà chỉ xuất phát từ lợi ích vật chất để thực hiện hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. [22, tr.80].

i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp thực hiện tội phạm có tính hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây thương tích không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhen; đâm, đánh người dã man...[22, tr.80].

Tái phạm nguy hiểm là phạm tội trong trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý gây, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do

CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nếu phạm tội theo quy định từ khoản 2 trở lên là tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân

Công vụ thường được hiểu là công việc mà cơ quan, tổ chức xã hội giao cho một người thực hiện; Người thi hành công vụ là người thực hiện công việc do cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội giao cho một cách thường xuyên hoặc tạm thời có hưởng lương hoặc không hưởng lương hoặc không hưởng lương, họ có quyền hạn nhất định khi thực hiện công vụ đó.

CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để cản trở người thi hành công vụ là trường hợp người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đang thi hành công vụ để cản trở người thi hành công vụ đang thi hành nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao cho vì lợi ích chung của nhà nước, xã hội như: đánh cán bộ thuế đang thu thuế làm cho họ không thu được thuế.v.v. Nếu người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đang thi hành công vụ nhưng vì động cơ khác không phải để cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ được giao thì tùy từng trường hợp mà người phạm tội bị truy cứu TNHS.

Gây thương tích vì lý do công vụ của nạn nhân thể hiện nhiệm vụ mà nạn nhân được giao có ảnh hưởng trực tiếp đến người phạm tội nên người phạm tội đã chủ động gây thương tích cho nạn nhân. Hành vi có thể xảy ra trước hoặc sau khi nạn nhân thực thi công vụ.

1.1.2.3. Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Chủ thể của tội phạm theo luật hình sự Việt Nam hiện hành chỉ có thể là con người cụ thể. Chủ thể của tội phạm là người có năng lực TNHS đạt độ tuổi nhất định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Và khi thực hiện hành vi phạm tội người ấy có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình và có khả năng điều chỉnh được hành vi ấy.

Theo Điều 12 BLHS năm 1999 quy định: “*Người đủ tuổi chịu TNHS:*

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do lỗi cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. [24]”

Điều 13 BLHS 1999: Tình trạng không có năng lực TNHS tại khoản 1 quy định: “Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc các bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu TNHS. Đối với những người này phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh...”

Chủ thể của tội “Cố ý gây thương tích” là một người có đủ năng lực chịu TNHS và phải đạt độ tuổi nhất định mà xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, người phạm tội phải từ 16 tuổi trở lên gây thương tích cho người khác trên 11% hoặc dưới 11% mà có một trong các tình tiết đã nêu tại khoản 1 Điều 104 của BLHS thì phải chịu TNHS.

Về cách tính tuổi chịu TNHS theo quy định của BLHS thì độ tuổi ở đây là tuổi tròn “đủ 14 tuổi” hoặc “đủ 16 tuổi”. Trong thực tiễn cũng như trong lý luận việc xác định độ tuổi không phải bao giờ cũng dễ dàng, thông thường việc xác định độ tuổi căn cứ theo Giấy đăng ký khai sinh. Tuy nhiên không phải trong mọi trường hợp đều còn Giấy khai sinh, hoặc giấy khai sinh không chính xác... Để khắc phục vướng mắc trên TANDTC có hướng dẫn tại mục 11 phần II công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 về cách tính tuổi chịu TNHS của người khác nói riêng. Theo chúng tôi quy định này là phù hợp và khoa học đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cũng như trừng trị thích đáng người phạm tội.

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội phạm là một thể thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan. Mặt khách quan là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm, mặt chủ quan là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội.

Mặt chủ quan của tội CYGTT bao gồm: Lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

Lỗi được hiểu là lỗi của cá nhân, tức là lỗi của con người cụ thể khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Lỗi thực hiện dưới hành vi cố ý hoặc vô ý.

Người phạm tội thực hiện hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật chỉ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn của chính họ, họ tự ý thức và kiểm soát hành vi của mình, trong khi họ có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn và thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Tức người thực hiện hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể lựa chọn và thực hiện xử sự khác không gây ra hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng chủ thể đã lựa chọn, quyết định và thực hiện hành vi gây ra thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác.

Như vậy, lỗi của người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chỉ đặt ra cho những trường hợp trong đó chủ thể có khả năng xử sự không gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng chủ thể đã không lựa chọn khả năng này.

Muốn xác định đúng lỗi của người phạm tội đối với thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của nạn nhân là cố ý hay vô ý, thì cần làm sáng tỏ hai vấn đề:

- 1) Người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm không;
- 2) Nếu thấy trước thì họ mong muốn chấp nhận hay loại trừ khả năng quả xảy ra. Nếu vấn đề thứ nhất được xác định là không thì có thể loại trừ ngay khả năng CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Để xác định người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội có xảy ra hay không phải xuất phát từ năng lực nhận thức của họ, cũng như những điều kiện nhận thức cụ thể, hoàn cảnh khách quan, những dấu hiệu thuộc mặt khách quan như: Tính chất công cụ phạm tội, phương tiện cũng như cách thức sử dụng; tình trạng sức khỏe cũng như khả năng chống đỡ của nạn nhân...

Để xác định người phạm tội mong muốn, chấp nhận hay loại trừ hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần xem xét đánh giá những tình tiết như: sự lựa chọn công cụ, phương tiện phạm tội, cách thức sử dụng; diễn biến tâm lý của người phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm; tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; động cơ, mục đích phạm tội; vị trí tác động... Trong trường hợp mong muốn hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe

cho người khác xảy ra, người phạm tội thường sử dụng các công cụ phạm tội mang tính chất “sát thương” cao như dao, kiếm, mã tấu, côn... Bên cạnh đó người phạm tội còn lựa chọn vị trí tác động, cách thức sử dụng công cụ, phương tiện có khả năng gây ra thương tích hoặc tổn hại sức khỏe lớn cho đối tượng tác động.

Ngược lại, nếu chỉ có ý thức chấp nhận hậu quả gây thương tích hoặc tổn hại cho người khác xảy ra, người phạm tội không quan tâm đến công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội, vị trí tác động đến nạn nhân có nguy hiểm, có khả năng gây thương tích hay tổn hại sức khỏe hay không, mà chỉ quan tâm đến việc đạt được mục đích chung của mình. Cho nên người phạm tội trong trường hợp này có thể dùng bất cứ công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội nào, không phụ thuộc vào tính chất nguy hiểm của nó, đồng thời chấp nhận mọi cách thức sử dụng công cụ phương tiện phạm tội.

Trường hợp người phạm tội có ý thức loại trừ khả năng hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, người phạm tội sẽ lựa chọn công cụ, phương tiện, phương pháp cũng như cách thức sử dụng để làm sao vừa có thể đạt được mục đích lại vừa tránh được ở mức cao nhất hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác. Trong số các công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội có khả năng giúp người thực hiện tội phạm đạt được mục đích, người phạm tội thường sử dụng công cụ, phương tiện, phương pháp ít nguy hiểm nhất. Khi sử dụng người phạm tội tác động vào những vị trí ít nguy hiểm trên cơ thể, lực tác động thường nhẹ không hết khả năng. Trong các trường hợp này mục đích của người phạm tội chủ yếu là đe dọa chứ không có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác.

Ngoài dấu hiệu lỗi, trong mặt chủ quan của tội v hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP. Tuy nhiên, ở một số CTTP mà mặt khách quan cũng quy định hành vi gây ra thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, nhưng dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội lại được quy định là dấu hiệu bắt buộc thì việc xác định đúng động cơ, mục đích phạm tội sẽ định đúng tội danh và phân biệt tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác với một số tội khác.

Động cơ phạm tội được hiểu là động cơ bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội cố ý. Động cơ phạm tội còn có thể được xem là tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS.

Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra để đạt được khi họ thực hiện hành vi phạm tội.

Người phạm tội khi thực hiện tội phạm đều hướng đến những mục đích nhất định. Nhưng có thể nói ở những lỗi cố ý trực tiếp người phạm tội mới có sự mong muốn gây ra tội phạm để đạt được mục đích nhất định.

Dấu hiệu động cơ và dấu hiệu mục đích có mối quan hệ chặt chẽ với nhau vì có động cơ thúc đẩy thì người phạm tội mới thực hiện tội phạm để thỏa mãn động cơ. Đối với tội CYGTT thì thông thường động cơ chủ yếu thúc đẩy người phạm tội gây thương tích cho người khác là do thù tức cá nhân.

Hậu quả của tội phạm là hiện tượng thuộc về thế giới khách quan có quan hệ với mục đích. Hậu quả là kết quả thực tế mà người phạm tội thực hiện hành vi để đạt được mục đích.

Mục đích đặt ra trước thời điểm khi người phạm tội thực hiện tội phạm, cho nên trong bất kỳ trường hợp phạm tội cố ý trực tiếp nào cũng đều có mục đích phạm tội dù hậu quả có phát sinh hay không, như Tội khủng bố (Điều 84 BLHS); Tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 BLHS); Tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong khi đang thi hành công vụ (Điều 107 BLHS).

Bên cạnh đó việc xác định động cơ, mục đích của người phạm tội có ý nghĩa quan trọng, trong việc xác định khung hình phạt, QĐHP.

1.1.3. Phân biệt tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội phạm khác được quy định trong BLHS

1.1.3.1. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người với tội giết người

Định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

Xuất phát từ các dấu hiệu đặc trưng của tội giết người và tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người, xét trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật, có thể rút ra sự giống nhau và khác nhau giữa hai tội này như sau:

* Giống nhau:

- *Về lỗi:* Hành vi giết người và hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người đều được thực hiện do lỗi cố ý.

- *Về hành vi khách quan:* Hành vi giết người và hành vi CYGTT dẫn đến chết người có biểu hiện về mặt khách quan giống nhau ở chỗ, người phạm tội đều dùng ngoại lực tác động vào thân thể người khác một cách trái pháp luật như: đâm, chém, đâm, đá, đầu độc. Hậu quả là đều gây ra cái chết cho nạn nhân.

* Khác nhau:

Sự khác nhau cơ bản giữa tội giết người và tội CYGTT dẫn đến chết người là ở ý thức chủ quan của người phạm tội: đối với tội giết người, ý thức chủ quan của người phạm tội là mong muốn tước đoạt sinh mạng của người khác một cách trái pháp luật. Đối với tội CYGTT dẫn đến chết người thì ý thức chủ quan của người phạm tội không mong muốn tước đoạt sinh mạng của người khác một cách trái pháp luật, do đó hậu quả chết người nằm ngoài ý thức chủ quan của người phạm tội do có những yếu tố khách quan khác mang lại như: do người bị hại bị bệnh lý, chỉ cần một tác động của ngoại lực cũng dẫn đến cái chết của người bị hại; do người bị hại say rượu có nồng độ cồn trong máu cao; do mất máu mà không được cấp cứu kịp thời vì hiện trường cách xa trung tâm y tế... Như vậy, để phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa hai tội này, cần phải xem xét ý thức chủ quan của người phạm tội dựa trên các yếu tố cơ bản sau đây: Động cơ, mục đích của người phạm tội; vị trí của cơ thể bị tấn công và mức độ nghiêm trọng của thương tích; nguyên nhân cái chết, thời gian chết của nạn nhân; hung khí tấn công và cường độ tấn công.

Bảng 1.1. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người với tội giết người

Tội cố ý gây thương tích (trong trường hợp dẫn đến chết người)	Tội giết người
Hậu quả chết người	
*Cố ý gây thương tích *Vô ý với hậu quả chết người: - Không mong muốn và tin hậu quả chết người không xảy ra (vô ý vì quá tự tin) - Hoặc không thấy trước hậu quả chết người nhưng có điều kiện thấy trước (vô ý vì cẩu thả)	*Cố ý thực hiện hành vi giết người *Cố ý với hậu quả chết người: - Mong muốn hậu quả chết người xảy ra (cố ý trực tiếp) - Hoặc không mong muốn nhưng chấp nhận hậu quả chết người xảy ra (cố ý gián tiếp)

Các dấu hiệu nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, mang tính biện chứng, cho nên khi đánh giá hành vi cụ thể cần phải xem xét một cách toàn diện, tránh tình trạng phiến diện chỉ xem xét hành vi của người phạm tội, mà kết luận về ý thức chủ quan của người phạm tội đối với hậu quả chết người.

1.1.3.2. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác với tội giết người trong trường hợp phạm tội chưa đạt

Để phân biệt tội giết người trong trường hợp phạm tội chưa đạt với tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác, chúng ta cũng chủ yếu tập trung phân tích yếu tố lỗi của người phạm tội.

Lỗi của người phạm tội giết người chưa đạt chỉ là lỗi cố ý trực tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân, người phạm tội mong muốn nạn nhân chết, nhưng nạn nhân không chết là nằm ngoài dự đoán của người phạm tội.

Trong trường hợp thực hiện hành vi với lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội mặc dù không mong muốn nhưng chấp nhận hậu quả chết người xảy ra, nhưng hậu quả đã không xảy ra thì không thể buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm về hậu quả chết người, đây chính là điều mà họ không mong muốn và nó cũng không xảy

ra trên thực tế. Do đó, để định đúng tội danh chúng ta cần phải phân biệt hai tội này qua tiêu chí cơ bản sau đây:

- Nếu lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp thì định tội giết người (chưa đạt). Đây là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể làm nạn nhân chết mà vẫn thực hiện vì mong muốn nạn nhân chết. Sở dĩ nạn nhân không chết là do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội.

- Nếu lỗi của người phạm tội không phải là lỗi cố ý trực tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân thì định tội CYGTT.

Bảng 1.2. Phân biệt tội cố ý gây thương tích với tội giết người (chưa đạt)

Tội cố ý gây thương tích (Điều 104)	Tội giết người (Điều 93)
Đều không gây ra hậu quả chết người (chỉ gây thương tích)	
*Người phạm tội không mong muốn hậu quả chết người nhưng - Tin hậu quả chết người không xảy ra hoặc *Không thấy được hậu quả chết người.	*Người phạm tội mong muốn hậu quả chết người xảy ra và - Chấp nhận hậu quả chết người xảy ra *Hậu quả chết người chưa xảy ra là do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Việc xác định mặt chủ quan của người phạm tội, cần phải xem xét một cách toàn diện các dấu hiệu thể hiện ra bên ngoài, đó chính là dấu hiệu thể hiện mặt khách quan của tội phạm và các tình tiết thuộc nhân thân của người phạm tội trong các quan hệ biện chứng như đã trình bày trong phần phân biệt tội giết người trong trường hợp tội phạm hoàn thành với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến hậu quả chết người. Một số kinh nghiệm trong thực tiễn xét xử, được rút ra như sau:

- Trong khi cân nhắc, đối chiếu một cách toàn diện và biện chứng mọi tình hình khách quan của vụ án để tìm ý thức chủ quan của người phạm tội, cần đặc biệt chú ý đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi khách quan, bởi hành vi

khách quan là sự thể hiện suy nghĩ, mong muốn của con người, nghĩa là cần chú ý đến khả năng làm chết người nhiều hay ít của hành vi đó. Nếu xác định người thực hiện hành vi chủ ý có những hành vi ít nguy hiểm, ít khả năng gây chết người, thông thường nên định tội là CYGTT. Trái lại, nếu hành vi là cố ý và rất nguy hiểm và có nhiều khả năng làm chết người, thông thường nên định tội là giết người (chưa đạt);

- Mặc dù rõ ràng người phạm tội cố ý giết người hoặc không xác định được rõ ý thức, nhưng nếu người đó tự ý giữa chừng chấm dứt hành động, thấy nạn nhân bị thương nên đã tự mình chấm dứt tấn công, tuy biết rằng còn có thể tiếp tục hành động, thì nên định tội là CYGTT, không nên định tội giết người vì tội phạm chỉ mới dừng lại ở giai đoạn gây thương tích. Hơn nữa, cách giải quyết như vậy sẽ có tác dụng tốt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, mở đường cho người phạm tội đến phút cuối cùng vẫn có cơ hội tự nguyện chấm dứt hành vi phạm tội, hạn chế thiệt hại xảy ra.

- Theo hướng dẫn của tòa án tối cao năm 1979 tại Tập hệ thống hóa tập 1 thì nếu người phạm tội nhận thức được hành vi của mình có khả năng làm chết người mà vẫn mặc kệ, cứ làm rồi “*muốn ra sao thì ra*” sống cũng mặc, chết cũng mặc, may mắn nạn nhân không chết, thì nên định tội là giết người (chưa đạt) không nên định tội là CYGTT. [35, tr. 326-333]

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1985

Cách mạng tháng 8 - 1945 thành công đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Do vừa trải qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp hao tổn cả sức người, sức của nên Nhà nước ta đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn... Nhiệm vụ của cách mạng ta trong giai đoạn lịch sử này là rất quan trọng và đã được thể hiện một cách cô đọng, đầy đủ, rõ ràng trong Hiến pháp năm 1946 – bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập, có chủ quyền. Đó là: “*Bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ*”. Luật hình sự nước ta trong thời kỳ này đã đóng góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chung đó, thông qua nhiệm vụ đặc thù và phương pháp đặc thù của nó là quy định

tội phạm và sử dụng hình phạt để trừng trị những hành vi xâm phạm đến những lợi ích thiêng liêng nói trên. Các đạo luật hình sự là một trong những đạo luật đầu tiên cùng với các sắc lệnh trên các lĩnh vực như trừng trị phản động, âm mưu hành động phản quốc, sắc lệnh quy định về trốn tránh nghĩa vụ, sắc lệnh về phòng, chống các tội phạm cụ thể như hành vi trộm cắp... tạo cơ sở pháp lí cho việc trấn áp tội phạm, bảo vệ nhà nước non trẻ.

Tuy nhiên, trong tình hình cấp bách, các văn bản pháp luật nói chung cũng như các văn bản pháp luật nói chung cũng như các văn bản pháp luật Hình sự nói riêng mới ban hành không đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội đa dạng. Vì thế ngày 10/10/1945, Nhà nước đã ban hành sắc lệnh số 47/SL [5] tạm thời giữ lại các luật lệ cũ không mâu thuẫn với chế độ mới, không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong đó có Luật hình An Nam, Hoàng Việt Hình luật và Hình luật pháp tư chính.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng, chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành sắc luật số 03/SL/76 [5] ngày 15/3/1976 quy định về tội phạm và hình phạt với 7 loại tội phạm, trong đó có quy định về tội CYGTT. Tại điểm b điều 5 sắc luật số 03/SL/76 quy định: “Phạm tội cố ý gây thương tích thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm, trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù đến 20 năm” [7].

Ngày 02/7/1976 Quốc hội chính thức đổi tên nước ta thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật được áp dụng chung cho cả nước. Do vậy, để giải quyết các vụ án CYGTT, chúng ta chủ yếu áp dụng điểm b Điều 5 Sắc luật số 03-SL/76 nói trên cho đến trước khi BLHS 1985 ra đời.

Từ năm 1986, đất nước ta tiến hành nhiệm vụ đổi mới toàn diện, đưa kinh tế và xã hội thoát khỏi khủng hoảng, thực hiện kết hợp mở cửa và hội nhập, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đối với Luật Hình sự, giai đoạn này được đánh dấu bởi việc ban hành năm 1985 BLHS Việt Nam, bộ luật đầu tiên của Nhà nước ta và đây là thời điểm đánh dấu bước chuyển biến mang tính chất lịch sử, đánh dấu thời điểm quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam.

Trong BLHS 1985, tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 109 bao gồm 4 khung hình phạt và trong mỗi khung thì có mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của từng hành vi phạm tội, trong đó, mức cao nhất của hình phạt đối với tội này là 20 năm tù.

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

BLHS năm 1985 là bộ luật đầu tiên của Nhà nước chúng ta dựa trên sự kế thừa và phát triển những thành tựu của pháp luật hình sự Việt Nam đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp hình sự tiên tiến của các nước trên thế giới thể hiện được bản chất nhân văn, nhân đạo sâu sắc của xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý có hiệu quả cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, BLHS Việt Nam 1985 ra đời trong bối cảnh điều kiện đất nước có những đặc trưng là cần bảo vệ nền kinh tế bao cấp chủ yếu dựa trên hai hình thức sở hữu: Nhà nước và tập thể theo cơ chế bao cấp. Vì thế, từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới do Đại hội VI đề ra, BLHS đã dần biểu hiện những bất cập hạn chế, như Điều 109 quy định về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng nhà làm luật lại đưa nhiều hành vi phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau vào trong cùng một điều luật. Hơn nữa Điều 109 chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm, các điểm, khoản quy định còn chung chung, trừu tượng, ví dụ như điểm a khoản 2 Điều 109 quy định “Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác”, mà không giải thích rõ thế nào là thương tích nặng, tổn hại nặng... Do vậy, việc áp dụng pháp luật cho các cơ quan tố tụng gặp nhiều khó khăn. Để hướng dẫn thi hành điều luật này, TANDTC đã có nhiều văn bản hướng dẫn như: Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định phân các tội phạm của BLHS; Công văn số 03-TATC ngày 22/10/1987 của TANDTC hướng dẫn thực hiện Điều 109 BLHS; công văn số 311/HS ngày 04/04/1989 của TANDTC về việc xác định tỷ lệ thương tật của người bị thương tích; Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 12/4/1989 của HĐTP TANDTC hướng dẫn việc bổ sung áp dụng một số quy định của BLHS; Công văn số 140/1998/KHXX của TANDTC về việc hướng dẫn áp dụng Điều 109.

Do phải đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình đất nước phát triển, BLHS năm 1985 tiếp tục có bốn lần sửa đổi vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997. Tuy nhiên cả 4 lần sửa đổi trên đều tập trung vào việc đảm bảo chặt chẽ hơn các quy định về định tội và hình phạt.

1.2.3. Giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2016

BLHS năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000 đã thể chế hóa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong giai đoạn mới. Đặc trưng cơ bản của pháp luật hình sự trong giai đoạn này đã thể hiện trong BLHS năm 1999 là: Điều chỉnh tối đa về mặt lập pháp những chế định cơ bản, quan trọng của luật hình sự; phân hóa triệt để TNHS và hình phạt; nêu cao tinh thần nhân đạo của luật hình sự. BLHS 1999 có nhiều nội dung mới so với BLHS 1985 được thể hiện cả ở phần chung và phần các tội phạm, thể hiện rõ những điểm mới trong chính sách hình sự của Nhà nước ta nói chung, đối với xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người nói chung. BLHS 1999 đã tách tội CYGTT hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 109 BLHS năm 1985 thành 3 tội và được quy định thành ba điều luật khác nhau:

- Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104;

- Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 105.

- Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 106.

Bằng việc tách biệt thành ba tội khác nhau, nhà làm luật đã xây dựng chính xác các CTTP cơ bản, bổ sung các tình tiết định khung hình phạt phân định rõ TNHS và xác định chính xác mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho từng hành vi.

Đồng thời, nếu Điều 109 BLHS năm 1985 là quy định đơn giản, thì ngược lại các Điều 104, 105, 106 BLHS 1999 là quy định mô tả, điều luật vừa nêu tên tội vừa mô tả các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của nó trong điều luật. Khoản 1 Điều 104 quy

định “tỷ lệ thương tật” là 10 tình tiết từ điểm a đến điểm k làm yếu tố định khung và định tội, trong đó tỷ lệ thương tật giữ vai trò quyết định. Ngoài ra BLHS 1999 còn bổ sung một số tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại Điều 104 như sau:

- Đối với trẻ em hoặc người chưa thành niên (điểm d khoản 1 Điều 104).
- Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy cô giáo của mình (điểm đ khoản 1 Điều 104).
- Thuê người khác phạm tội hoặc phạm tội thuê (điểm h khoản 1 Điều 104).
- Đối với những người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân (điểm k khoản 1 Điều 104). [24]

Về hình phạt của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Tại BLHS năm 1985 hình phạt tù tối đa đến 20 năm, thì trong BLHS 1999 đã tăng lên mức tù chung thân.

Tuy nhiên, BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) sau 14 năm ra đời cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Năm 2015 là một năm đặc biệt quan trọng, BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (viết tắt là BLHS năm 2015) được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, được Chủ tịch nước công bố vào ngày 18/12/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. BLHS 2015 ra đời đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập cũng như phù hợp với tình hình thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. BLHS 2015 ra đời song song với hiến pháp năm 2013, là công cụ pháp lý quan trọng và sắc bén nhất trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Bên cạnh việc sửa đổi nhiều điều và thứ tự của các điều, BLHS năm 2015 còn hình sự hóa, phi hình sự hóa một số hành vi, có thêm nhiều điều luật mới, chương mới về các loại tội phạm mà BLHS năm 1999 chưa đáp ứng được. BLHS năm 2015 được xác định là sửa đổi cơ bản và toàn diện, theo đó, trong tổng số 426 điều, có 72 điều mới được bổ sung, 362 điều được sửa đổi, bổ sung, 17 điều giữ nguyên, và 07 điều bãi bỏ.

Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác theo Điều 134 BLHS năm 2015 đã được quy định rõ ràng cụ thể hơn so với Điều 104 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Theo quy định của Điều 104 BLHS năm 1999, tội này chỉ gồm 4 khoản với định mức tỷ lệ thương tật được chia ra làm bốn mức là dưới 11%,

từ 11% đến 30%, từ 31% đến 60%, trên 61% nhưng trong Điều 134 BLHS 2015 tuy vẫn giữ nguyên việc chia định mức tỉ lệ thương tật nhưng tội này đã được chia ra làm 7 khoản với một số điểm mới sửa đổi và bổ sung để hoàn thiện hơn những chế định của pháp luật về tội này. Trong khoản 1 Điều 134 BLHS 2015 này so với khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 thì có thể nhận thấy đã quy định thêm hai điểm mới sau: Điểm b, khoản 1: “Dùng a-xít sunfuric (H_2SO_4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”; và điểm i, khoản 1: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”. Ngoài ra trong khoản này, đã đổi từ “Nhiều” thành “từ hai trở lên”, “trẻ em” đổi thành “Người dưới 16 tuổi”. Đây là bước cải tiến rõ rệt trong quy định của pháp luật nhằm phân định rõ những định nghĩa mà trước nay vẫn còn chung chung: “nhiều”, “trẻ em” để thử hiện được phải ban hành văn bản hướng dẫn nay đã được quy định cụ thể thành “ từ hai trở lên” “người dưới 16 tuổi”. Về khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS 1999, nay đã được chia thành 4 khoản riêng biệt theo điều luật mới. Theo đó, mức khung hình phạt cũng được quy định rạch ròi không gộp chung lại như trước. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tố tụng như Tòa án, Viện kiểm sát có thể dễ dàng hơn trong việc định tội áp dụng mức hình phạt đối với người phạm tội. Thêm vào đó, quy định này cũng đã phân chia giới hạn giữa tỷ lệ thương tật với các tình tiết tăng nặng trong CTTP, không còn sự nhập nhằng như quy định cũ, rằng dù tỷ lệ thương tật thấp nhưng nếu có tình tiết tăng nặng thì vẫn quy đồng với mức tỷ lệ thương tật cao hơn. Khoản 6 Điều 134 BLHS 2015 đã cụ thể hóa khoản 4 Điều 104 BLHS 1999. Theo đó, tình tiết định tính như “chết nhiều người” “đặc biệt nghiêm trọng khác” đã được quy định rõ thành từng điểm rõ ràng: Điểm a khoản 6: “Làm chết 02 người trở lên”; Điểm b khoản 6: “Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên; Điểm c khoản 6 : “Gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên”.

Điều 134 BLHS 2015 có thêm quy định về trường hợp gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Đây là một điểm mới trong BLHS 2015 về tội này. Bởi vì đối với một người việc bị thương tích tại vùng mặt sẽ để lại di chứng về

mặt tinh thần, khiến họ mặc cảm không hòa nhập với cộng đồng xã hội, cũng như để cho họ phải bị mang tiếng làm điều gì đó không đúng nên mới bị xảy ra hậu quả như vậy. Việc gây thương tích tại vùng mặt không chỉ xâm phạm đến thân thể mà còn xâm phạm đến mặt tinh thần. Thêm vào đó, Điều 134 BLHS 2015 còn quy định thêm một khoản mới về việc chuẩn bị phạm tội. Theo đó người chuẩn bị phạm tội này sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Kết luận Chương 1

Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự của nước Việt Nam đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài. Trải qua nhiều thay đổi về cách thức xây dựng pháp luật của Nhà nước ta qua những thời kỳ nhưng cơ bản việc định hướng và xây dựng các quy định của pháp luật về loại tội phạm này đang ngày càng hoàn thiện. Đó cũng là nỗ lực hoàn thiện và chứng tỏ nỗ lực phòng chống loại tội phạm này.

Trên cơ sở lý luận và pháp lý đó, trong thời gian qua, các cơ quan THTT đã vận dụng để đấu tranh phòng, chống tội phạm này một cách có hiệu quả ở địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng vẫn còn những khó khăn vướng mắc như trong việc định tội danh, QĐHP và các vấn đề khác liên quan đến việc giám định thương tật hoặc định tội danh giữa các tội trong chương XII BLHS. Để làm rõ hơn những vướng mắc qua thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình giải quyết tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Chúng ta tiếp tục nghiên cứu chương 2 của luận văn sau đây.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TÔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC Ở TỈNH QUẢNG NINH

2.1. Những yêu cầu bảo đảm xét xử đúng pháp luật đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1.1. Những yêu cầu bảo đảm định tội danh đúng

Định tội danh là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự; đồng thời là một trong những cách thức đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào đời sống. Bên cạnh đó, định tội danh còn là tiền đề cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật khác của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS. Đối với hoạt động xét xử của Tòa án, việc định tội danh đóng vai trò là bước phải có để đi đến bước QĐHP đối với người phạm tội.

BLHS là văn bản pháp luật hình sự cao nhất của Nhà nước ta, mọi hành vi chỉ được coi là tội phạm nếu được ghi nhận trong BLHS. Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP đã được quy định trong quy phạm pháp luật được quy định trong BLHS.

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn, khái niệm định tội danh được hiểu ở hai nghĩa: Thứ nhất, định tội danh là một quá trình logic nhất định, là hoạt động xác định và ghi nhận sự phù hợp của trường hợp phạm tội cụ thể với các dấu hiệu của một CTTP được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự thuộc phần Các tội phạm của BLHS; Thứ hai, định tội danh là việc đánh giá về mặt pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hai nghĩa này có sự quan hệ mật thiết với nhau trong khái niệm định tội danh.

Như vậy, có thể rút ra khái niệm định tội danh theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh như sau: *Định tội danh là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định CTTP tương ứng và mối liên*

hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của CTTTP với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định. [46, Tr. 26-27].

Định tội danh là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự bao gồm việc tiến hành đồng thời ba quá trình:

- Xác định đúng, khách quan các tình tiết của vụ án.

Trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự, các cơ quan THTT cần phải xác định được tất cả các tình tiết của vụ án phù hợp với thực tế, việc xác định này được gọi là thu thập các chứng cứ của vụ án, bao gồm: chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, chứng cứ trực tiếp, chứng cứ gốc, chứng cứ sao chép, lời khai, vật chứng... Sau khi thu thập được các chứng cứ của vụ án, các cơ quan THTT tiến hành đánh giá các chứng cứ đó. Việc đánh giá chứng cứ phải dựa trên các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành. Các chứng cứ được phân tích và chia ra thành từng phần tương ứng với từng giai đoạn của vụ án hình sự. Từ sự phân tích làm sáng tỏ từng giai đoạn của vụ án, cơ quan THTT sẽ đi đến bức tranh tổng thể xuyên suốt của cả vụ án, từ đó xác định đúng diễn biến và sự thật của vụ án. Hoạt động phân tích và đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy của những người THTT, vì vậy hoạt động này cần phải đảm bảo sự khách quan, vô tư, không suy diễn.

- Nhận thức đúng nội dung của các quy định trong BLHS.

Nhận thức đúng nội dung của BLHS quy định về từng tội phạm cụ thể có ý nghĩa rất lớn đối với việc định tội danh. Mọi hành vi chỉ được coi là tội phạm nếu được quy định trong BLHS, tuy nhiên không phải mọi quy phạm pháp luật trong BLHS đều chi tiết và bao quát được hết các mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, khi giải quyết một vụ án hình sự cần phải chọn ra đúng quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng. Điều này đòi hỏi sự chính xác trong hoạt động lập pháp và tư duy sáng suốt của những người THTT trong việc áp dụng pháp luật nhằm giải quyết vụ án hình sự.

Để lựa chọn ra đúng quy phạm pháp luật cần áp dụng, người THTT cần phải đối chiếu chính xác, đầy đủ các dấu hiệu tội phạm được quy định trong điểm, khoản của Điều luật với các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện. Nếu nhận thấy có sự phù hợp giữa các tình tiết của vụ án với các dấu hiệu của cấu thành được quy

định trong luật thì có thể kết luận sự việc đã xảy ra phải được định theo điểm, khoản của điều luật đó. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp các bước nhận thức và đối chiếu giữa hành vi cần xem xét với các quy phạm pháp luật hình sự là không thể tách rời, đòi hỏi người THPT phải lồng ghép những hoạt động này vào cùng một lúc. Ngoài việc xác định được đúng điểm, khoản của Điều luật tương ứng cần áp dụng đối với hành vi xem xét, người THPT còn cần phải xem xét các yếu tố thực tế khác của hành vi đó (như đó là hành vi phạm tội chưa đạt, hành vi chuẩn bị phạm tội, hành vi đồng phạm với vai trò cụ thể như thế nào, hành vi phạm tội có tổ chức.v...) để nghiên cứu áp dụng các quy phạm pháp luật tương ứng đi kèm khi định tội danh.

Việc định tội danh phải đầy đủ những hành vi phạm tội đã thực hiện. Định tội danh đầy đủ là việc định số lượng tội danh tương ứng với bấy nhiêu hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện nếu hành vi đó đã đủ cấu thành một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Khi xem xét một diễn biến cụ thể, người THPT tuyệt đối không được thu hút hành vi phạm tội này vào hành vi phạm tội khác nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, cũng tuyệt đối không được xem hành vi của tội phạm này là tình tiết tăng nặng của tội phạm khác nhằm tránh đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của mỗi hành vi trong diễn biến đó.

- Xác định mối quan hệ giữa các dấu hiệu thực tế và các dấu hiệu được quy định trong luật.

Hoạt động định tội danh là việc các cơ quan THPT một mặt thu thập, kiểm tra, đánh giá các chứng cứ xác định các tình tiết thực tế của vụ án, mặt khác tiến hành tìm hiểu và phân tích các quy phạm pháp luật hình sự để nhận thức đúng đắn nội dung của nó. Quá trình định tội danh phải trải qua ba giai đoạn cơ bản:

Giai đoạn thứ nhất: đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội. Hoạt động này dựa trên các căn cứ sau:

- + Tính chất của phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm;
- + Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi gây ra;
- + Tính chất của động cơ;

- + Mức độ lỗi;
- + Nhân thân của người phạm tội.

Giai đoạn thứ hai: những người THPT định tội danh làm sáng tỏ các dấu hiệu của hành vi phạm tội, tức là làm sáng tỏ hành vi phạm tội đó thuộc loại nào và được quy định ở chương nào của BLHS.

Giai đoạn thứ ba: chỉ rõ CTTP về tội cụ thể nào được áp dụng trên cơ sở làm sáng tỏ và so sánh các dấu hiệu của tội phạm. Các CTTP mà người THPT cần phải lựa chọn chính xác trong giới hạn của điều luật lựa chọn khi định tội danh là: Cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng hay cấu thành giảm nhẹ.

Các giai đoạn trên của quá trình định tội danh có thể được thực hiện một cách độc lập hoặc đồng thời với nhau, cũng có khi là không phân chia được trong hoạt động nhận thức của người định tội danh.

Trong lý luận pháp luật hình sự, căn cứ vào chủ thể tiến hành định tội danh và hậu quả của việc định tội danh, định tội danh được phân thành hai loại: định tội danh chính thức và định tội danh không chính thức.

Định tội danh chính thức là hoạt động định tội danh trong một vụ án hình sự cụ thể của những cán bộ được Nhà nước ủy quyền, bao gồm: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trực tiếp tiến hành giải quyết vụ án hình sự đó. Hậu quả của việc định tội danh của các chủ thể này là dẫn tới việc quyết định một cá nhân cụ thể là có tội hay không có tội đối với hành vi được đưa ra xem xét định tội danh, đồng thời nếu người đó có tội thì phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự được thể hiện qua QĐHP. Việc quyết định này được thể hiện bằng văn bản áp dụng pháp luật cụ thể của cơ quan THPT.

Định tội danh không chính thức là sự đánh giá pháp lý về hành vi phạm tội do các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý, tác giả bài báo, công trình khoa học, sinh viên, học viên hoặc của bất kỳ một người nào đó quan tâm nghiên cứu cụ thể về một vụ án bất kỳ đưa ra. Định tội danh không chính thức không sinh ra quyền và nghĩa vụ và là sự thể hiện quan điểm, ý kiến của cá nhân. Đây là loại định tội danh có ý nghĩa quan trọng trong quá trình nghiên cứu pháp luật, như một phương pháp nhận

thức luật pháp. Định tội danh không chính thức góp phần tạo thành dư luận xã hội về pháp luật.

Từ những lý luận trên có thể đưa ra khái niệm định tội danh đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ trong sự so sánh, đối chiếu với các dấu hiệu trong CTTP của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong các quy định của luật hình sự để xác định có tội phạm CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hay không và người đã thực hiện hành vi đó để xử lý theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Những yêu cầu bảo đảm quy định hình phạt đúng

2.1.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của quyết định hình phạt

Hình phạt là biện pháp quan trọng được Nhà nước sử dụng để đấu tranh với tội phạm, là một trong những biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm. Theo quy định tại Điều 26 BLHS thì *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định”*.

QĐHP là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Giai đoạn này chiếm vị trí đặc biệt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Điều đó thể hiện ở chỗ chỉ có Tòa án mới có quyền QĐHP. Khi QĐHP, Tòa án nhân danh Nhà nước và tuyên bố áp dụng hình phạt cụ thể đối với người phạm tội, thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với người phạm tội về hành vi tội phạm của họ đồng thời trừng trị họ.

QĐHP là một bước trong hoạt động pháp lý của Tòa án trong việc áp dụng pháp luật hình sự, do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người phạm tội theo một trật tự pháp lý nhất định được quy định trong BLTTHS. Hoạt động QĐHP là hoạt động dựa vào kết quả của các giai đoạn TTHS trước đó bao gồm kết quả điều tra, kết quả buộc tội, kết quả thẩm vấn, tranh luận; sau khi có được các kết quả này những người QĐHP sẽ đối chiếu các tình tiết của vụ án hình

sự đó với các dấu hiệu của một CTTP cụ thể để đánh giá người phạm tội, từ đó xác định một loại hình phạt và một mức hình phạt cụ thể tối ưu nhất trong việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Nội dung chính của QĐHP bao gồm:

- Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong trong điều luật (hoặc trong khoản của điều luật) được áp dụng để quyết định đối với bị cáo. Hoạt động này còn được gọi là xác định loại hình phạt;

- Tòa án xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Hai nội dung này được tiến hành theo đúng trình tự trên đối với cả việc áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Loại hình phạt và mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án của Tòa án trên nguyên tắc áp dụng đúng các quy định của BLTTHS và được công bố công khai khi tuyên án.

QĐHP của Tòa án trong mọi trường hợp luôn phải đảm bảo đúng pháp luật, công bằng và cá thể hóa. QĐHP còn phải thể hiện được sự tương xứng của hình phạt được tuyên với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của người phạm tội, tương xứng với các đặc điểm về nhân thân của người phạm tội, với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và tương xứng với ý thức pháp luật của người phạm tội và dư luận của xã hội về vụ án. Ngoài những đòi hỏi kể trên, hình phạt được quyết định đối với bị cáo còn phải bảo đảm tính xác định, tính lập luận và bắt buộc có lý do.

Theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh thì " QĐHP là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội" [45, tr 386].

Theo quan điểm của TS. Dương Tuyết Miên thì " QĐHP là hoạt động thực tiễn của Tòa án (Hội đồng xét xử) được thực hiện sau khi đã xác định được tội danh để định ra biện pháp xử lý tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện. Nội dung của hoạt động QĐHP có thể là miễn TNHS hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt

thì hoạt động QĐHP là việc xác định cụ thể trong phạm vi luật định đối với bị cáo"
[20, tr. 63].

Từ những phân tích lý luận trên có thể kết luận rằng: QĐHP đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là việc Hội đồng xét xử của Tòa án căn cứ vào các tình tiết của vụ án, dựa trên quy định của pháp luật hình sự để đưa ra hình phạt cụ thể đúng quy định pháp luật hình sự Việt Nam để áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

2.1.2.2. Các nguyên tắc quyết định hình phạt

Các nguyên tắc QĐHP là những tư tưởng xuất phát, tư tưởng chỉ đạo được quy định trong pháp luật hình sự và do giải thích pháp luật mà có, xác định và định hướng hoạt động của Tòa án khi áp dụng chế tài luật hình sự đối với người phạm tội [46, Tr. 388]. Với tư cách là những tư tưởng xuất phát, tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Tòa án khi QĐHP đối với người phạm tội, các nguyên tắc QĐHP là một trong những nội dung quan trọng của chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Để có cơ sở đưa ra các nguyên tắc QĐHP, cần phải có những tiêu chuẩn nhất định, đó là: 1. Phải là những tư tưởng chỉ đạo đầu tiên; 2. Phải được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp trong luật hình sự; 3. Phải là những tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Tòa án trong lĩnh vực QĐHP; 4. Những tư tưởng đó phải phù hợp với chính sách hình sự trong từng giai đoạn phát triển của Nhà nước. Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên đây, có thể nhận thấy việc QĐHP cần phải dựa vào các nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa;
- Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa;
- Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt;
- Nguyên tắc công bằng.

Các nguyên tắc QĐHP vừa có tính độc lập tương đối, vừa có những phần, những nội dung xâm nhập vào nhau, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung

cho nhau, tác động qua lại lẫn nhau và ở dạng tổng thể tạo thành một hệ thống thống nhất.

2.1.2.3. Các căn cứ quyết định hình phạt

“Các căn cứ QĐHP là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có, buộc Tòa án phải tuân theo khi QĐHP đối với người thực hiện tội phạm” [46, Tr. 395].

Điều 45 BLHS quy định: khi QĐHP, Tòa án căn cứ vào các quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Khi QĐHP, Tòa án phải tuân theo những đòi hỏi quan trọng có tính nguyên tắc sau :

- **Căn cứ vào quy định của BLHS**, tức là căn cứ vào các quy định của Phần chung và Phần các tội phạm.

Khi QĐHP, Tòa án phải căn cứ vào các quy định của phần chung. Tòa án phản ánh trong bản án những quy định của Phần chung mà dựa vào đó để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện và nhân thân người phạm tội, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS có trong một vụ án cụ thể nhằm chọn ra loại hình phạt và mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Khi QĐHP, ngoài việc căn cứ vào các quy định của Phần chung BLHS, Tòa án còn phải căn cứ vào chế tài của điều luật quy định đối với tội phạm mà bị cáo đã thực hiện để chọn một loại và mức hình phạt hợp lý, công bằng và nhân đạo nhất.

- **Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện**

Tính chất nguy hiểm của xã hội của tội phạm, trước hết được quyết định bởi ý nghĩa, tính chất, tầm quan trọng và giá trị của các quan hệ xã hội bị tội phạm đó xâm hại – khách thể bị xâm hại. Bên cạnh khách thể bị xâm hại, tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm còn phụ thuộc vào các dấu hiệu khác về mặt khách quan, về mặt chủ quan, các dấu hiệu đặc trưng cho chủ thể.

Những tội phạm giống nhau về tính chất nguy hiểm cho xã hội có thể khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cũng được xác định bởi tổng thể các dấu hiệu của CTTP và đó cũng là thuộc tính

khách quan của tội phạm. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm không tách rời nhau, chúng tồn tại cùng nhau, bổ sung cho nhau và xâm nhập vào nhau.

Khi QĐHP, Tòa án phải chỉ ra trong bản án những tình tiết cụ thể chứng minh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà tội phạm đã thực hiện.

Hậu quả do tội phạm gây ra ảnh hưởng lớn đến việc QĐHP. Hậu quả do tội phạm gây ra chia làm hai loại : Các hậu quả được quy định là một yếu tố của CTTP và các hậu quả không được quy định là dấu hiệu bắt buộc của CTTP. Trong những trường hợp việc gây ra hậu quả được quy định là dấu hiệu bắt buộc của CTTP, thì chúng không được coi là dấu hiệu tăng nặng. Các hậu quả không được luật quy định là dấu hiệu bắt buộc của CTTP có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc QĐHP. Hậu quả do tội phạm gây ra bao gồm cả những thiệt hại về vật chất lẫn những thiệt hại về mặt khác. Mức độ nghiêm trọng của hậu quả do tội phạm gây ra ảnh hưởng đến mức độ nghiêm khắc của hình phạt được quyết định.

- Căn cứ vào nhân thân người phạm tội

Nhân thân người phạm tội là một khái niệm nhiều mặt, bao gồm những đặc điểm, đặc tính khác nhau thể hiện bản chất xã hội, thể hiện tính cá biệt và tính không lặp lại của người thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự coi là tội phạm, được quy định tại Điều 46 và Điều 48 BLHS. Luật quy định khi QĐHP, Tòa án phải cân nhắc đến những đặc điểm, đặc tính nói trên làm cơ sở cho việc xác định và đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của người đó.

Những đặc điểm, đặc tính nhân thân người phạm tội được Tòa án nghiên cứu, cân nhắc, đánh giá dưới hai khía cạnh: Khía cạnh pháp luật hình sự và khía cạnh tội phạm học. Việc nghiên cứu, cân nhắc, đánh giá nhân thân ở khía cạnh pháp luật hình sự là nhằm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa trực tiếp đối với việc QĐHP. Nghĩa là xác định, đánh giá, cân nhắc những đặc điểm, đặc tính thuộc nhân thân người phạm tội nhằm làm giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS được quy định ở Điều 46 và Điều 48 BLHS.

Việc nghiên cứu, cân nhắc, đánh giá nhân thân người phạm tội dưới khía cạnh tội phạm học được tiến hành nhằm mục đích làm sáng tỏ các nguyên nhân, các điều kiện phạm tội, các điều kiện hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống, cư xử, trình

độ văn hóa, các mối quan hệ nói lên mặt tốt, mặt xấu của người phạm tội. Những đặc điểm, đặc tính đó ảnh hưởng đến việc QĐHP. Khi cân nhắc các đặc điểm, đặc tính đó Tòa án phải ghi rõ trong bản án và nói rõ chúng có ảnh hưởng như thế nào đối với QĐHP.

Trong từng vụ án cụ thể, Tòa án phải xác định và chỉ rõ những tình tiết cụ thể chứng minh mức độ nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội, bao gồm cả các đặc điểm xấu lẫn các đặc điểm tốt của người đó để QĐHP.

- Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Khi QĐHP, luật quy định (Điều 45 BLHS) Tòa án không những phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, nhân thân người phạm tội, mà còn phải cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Do đó, cân nhắc tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ của việc QĐHP.

Tòa án có vai trò quan trọng trong việc đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng có trong từng vụ án cụ thể. Luật quy định việc đánh giá các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng ảnh hưởng đến mức nào cho việc QĐHP là thẩm quyền của Tòa án, thể hiện tính hợp lý, tính mềm dẻo và tính xác định tương đối của luật.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định ở Điều 46 BLHS và các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định cụ thể ở Điều 48 BLHS. Khi cân nhắc tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS để QĐHP đối với bị cáo, Tòa án phải tuân thủ nghiêm túc quy định có tính nguyên tắc rằng các tình tiết tăng nặng chỉ là các tình tiết được quy định trong luật (Điều 48 BLHS), còn các tình tiết giảm nhẹ có thể là những tình tiết được quy định trong luật, cũng có thể là những tình tiết không được quy định trong luật nhưng được Tòa án coi là tình tiết giảm nhẹ và cần nói rõ lý do và ghi rõ trong bản án.

Trong một vụ án, nếu có càng nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức độ giảm nhẹ của từng tình tiết càng lớn thì mức độ giảm nhẹ càng lớn và trong một số trường hợp có thể QĐHP nhẹ hơn quy định của BLHS hoặc miễn hình phạt. Ngược lại, trong một vụ án, số lượng tình tiết tăng nặng càng nhiều, ý nghĩa tăng nặng của từng tình tiết đó càng lớn, thì mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người

phạm tội càng cao, do đó, hình phạt được quyết định đối với bị cáo càng phải nghiêm khắc.

Tuy nhiên, nhiều vụ án có cả các tình tiết giảm nhẹ lẫn các tình tiết tăng nặng TNHS. Trong những trường hợp như vậy, Tòa án phải đánh giá, cân nhắc để có thể quyết định một hình phạt công bằng, hợp lý, phù hợp với lỗi của người phạm tội.

Khi đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS, Tòa án phải ghi cụ thể trong bản án những tình tiết nào được coi là tình tiết là tình tiết giảm nhẹ, những tình tiết nào được cân nhắc với ý nghĩa tăng nặng. Việc chỉ ra một cách cụ thể cách tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trong bản án làm cho hình phạt được tuyên có sức thuyết phục, có căn cứ hơn đối với người bị kết án và những người khác, tạo điều kiện cho việc cải tạo, giáo dục người phạm tội, thể hiện tính công bằng, tại điều kiện cho Tòa án cấp trên kiểm tra tính hợp lý và tính có căn cứ của bản án.

2.2. Thực tiễn định tội danh về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.2.1. Những kết quả đạt được

2.2.1.1. Tình hình phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm 2011 đến năm 2015

Quảng Ninh là một tỉnh ven biển thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Quảng Ninh được ví như một Việt Nam thu nhỏ, vì có cả biển, đảo, đồng bằng, trung du, đồi núi, biên giới. Quảng Ninh có 4 thành phố, 2 thị xã và 8 huyện trực thuộc. Trong đó có 186 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 67 phường, 8 thị trấn và 111 xã. Tổng dân số là 1.185.200 người. Quảng Ninh là tỉnh có nhiều thành phố trực thuộc nhất Việt Nam. Trong quy hoạch phát triển kinh tế, Quảng Ninh vừa thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía bắc vừa thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ. Cùng với phát triển kinh tế, tội phạm cũng rất phức tạp, đặc biệt là tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đây là loại tội phạm phổ biến và nguy hiểm, gây lo lắng bất bình trong xã hội. Từ đầu năm 2011 đến cuối năm 2015, TAND tỉnh Quảng Ninh đã xét xử 661 vụ, 1061 án CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Chiếm tỉ lệ 9,1% trong tổng số án thụ lý xét xử trên địa bàn. Thông qua bản số liệu sau đây, có thể thấy phản ánh phần nào sự phức tạp mà loại tội phạm này gây ra:

Bảng 2.1: Số liệu, tỷ lệ tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tội phạm nói chung

Đơn vị tính: Vụ án

Năm	Tổng số vụ án và bị cáo (1)		Tổng số vụ án và bị cáo phạm tội theo Điều 104BLHS (2)		Tỷ lệ % (2)/ (1)	Ghi chú
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo		
2011	1629	2886	160	276	9,8%	
2012	1510	2565	122	202	8%	
2013	1535	2613	171	271	11,1%	
2014	1345	2388	124	206	9,2%	
2015	1206	1966	84	106	6,9%	
Tổng	7225	12418	661	1061	9,1%	

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Bảng 2.2: Số liệu, tỷ lệ tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với các tội xâm phạm về tính mạng sức khỏe nói chung

Đơn vị tính: Vụ án

Năm	Tổng số vụ án và bị cáo phạm các tội trong chương XII (1)		Tổng số vụ án và bị cáo phạm tội theo Điều 104BLHS (2)		Tỷ lệ % (2)/ (1)	Ghi chú
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo		
2011	220	425	160	276	72,7%	
2012	192	317	122	202	63,5%	
2013	242	375	171	271	70,7%	
2014	172	291	124	206	72,1%	
2015	130	166	84	106	64,6%	
Tổng	956	1574	661	1061	69,1%	

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Bảng 2.3: Kết quả xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo từng khoản cụ thể

Đơn vị tính: Vụ án, bị cáo.

Năm	Khoản 1		Khoản 2		Khoản 3		Khoản 4	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	35	42	72	164	52	69	01	01
2012	12	31	42	84	68	87	00	00
2013	48	115	51	76	69	75	03	05
2014	24	29	55	125	36	42	09	10
2015	33	51	48	52	03	03	00	00
Tổng	152	268	268	501	228	276	13	16

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Qua bảng phân tích trên ta có thể thấy tình hình tội phạm CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là rất đáng báo động. Bởi đây là phân tích riêng tội danh CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chưa kể các tội danh khác như tội “Giết người”, hoặc tội “Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự” cũng là những tội phạm rất phổ biến. Riêng tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã luôn chiếm trên dưới 10% tổng số các vụ án, luôn chiếm quá nửa số vụ án trong chương Các tội xâm phạm đến tính mạng sức khỏe con người. Các vụ án được định tội danh theo khoản 2 và khoản 3 Điều này cũng chiếm phần lớn. Điều đó đã chứng minh rằng tình hình tội phạm ở tỉnh vùng biên giới Đông Bắc Bắc Bộ đã và đang rất phức tạp, là mối lo ngại của chính quyền và nhân dân trong nhiều năm qua. Người dân tại đây vẫn hàng ngày, hàng giờ đối diện với nguy cơ bạo lực, cần các cấp chính quyền vào cuộc cùng với người dân đồng lòng đấu tranh tố giác tội phạm.

Tuy tình hình phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh phức tạp là vậy nhưng thực tế cho thấy cũng đã đạt những kết quả nhất định, các vụ án mau chóng được phát hiện đưa ra điều tra, truy tố và xét xử.

Để làm rõ hơn những những kết quả đạt được trong quá trình định tội danh, cần đi sâu vào phân tích BLHS - là cơ sở pháp lý gián tiếp của việc định tội danh và CTTP - mô hình pháp lý cụ thể của việc định tội danh.

2.2.1.2. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo CTTP cơ bản

- Trường hợp người phạm tội dùng hung khí nguy hiểm:

Trường hợp này được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 - BLHS. Trên thực tế, việc người phạm tội dùng hung khí nguy hiểm khi thực hiện hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là phổ biến nhất ở địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói riêng và địa bàn các tỉnh, thành phố khác nói chung. Hung khí mà người phạm tội sử dụng có nhiều loại, có thể là súng, kiếm, đao, dao, giáo, mác hoặc đơn giản chỉ là những đồ dùng hằng ngày như chày, búa, kéo... Khi áp dụng tình tiết này trong xét xử, ngoài việc căn cứ vào các quy định của BLHS, Tòa án cũng còn áp dụng hướng dẫn của nghị quyết của HĐTP Tòa án tối cao.

Khi áp dụng tình tiết này, luật hình sự Việt Nam lại không quy định rõ ràng tỉ lệ thương tật ở mức tối thiểu bao nhiêu phần trăm thì xử phạt, có nghĩa là nếu tỉ lệ thương tích là 1% thì vẫn có thể định tội danh bởi lẽ hung khí nguy hiểm là bản thân nó chứa đựng khả năng gây ra nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe, nó hoàn toàn phụ thuộc vào cách sử dụng của người phạm tội. Còn thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người như đốt cháy đầu độc, bắn vào chỗ đông người. Thủ đoạn là do người phạm tội thực hiện. do đó tính chất nguy hiểm phụ thuộc vào hành vi phạm tội chứ không phụ thuộc vào phương tiện mà người phạm tội sử dụng.

Trên thực tế, các vụ án mà tỉ lệ thương tích là 1%, 2% hay 3% thì có rất ít. Trong trường hợp này, Tòa án đã căn cứ vào mục đích, ý chí chủ quan của người phạm tội để định tội danh đối với bị cáo.

Vi dụ như bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2014/HSST ngày 28/11/2014 của Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. [1]

Khoảng 12 giờ ngày 26/6/2014, tại khu Hiệp An 2, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, Quảng Ninh, do mâu thuẫn trong sinh hoạt, Đinh Văn Dũng đã có hành vi dùng tuýp sắt dài 1,2m, đường kính 0,2cm vọt vào bàn tay trái anh Đinh

Văn Trừ, làm anh Trừ bị thương tích tổn hại 08% sức khỏe. Tòa án đã căn cứ vào mục đích, ý chí của người phạm tội, xác định hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại sức khỏe người khác trái pháp luật hình sự. chỉ một mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt, bị cáo dùng tuýp sắt vọt vào tay anh Trừ làm gãy xương đốt 2, 3 bàn tay trái

Toà án nhân dân thành phố Uông Bí đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS, xử phạt Đinh Văn Dũng 06 tháng tù, về tội: *Cố ý gây thương tích*, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định bồi thường, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- *Trường hợp gây cố tật nhẹ cho nạn nhân:*

Trường hợp này được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104- BLHS. Trường hợp này cần hiểu một cách chính xác “Cố tật” là gì? Theo từ điển Việt Nam, cố tật là tật không chữa được, tồn tại mãi mãi. Nhưng với mức thương tích dưới 11% chiếu theo điều 104 BLHS thì trên thực tế là không nhiều. Cách để tòa án định tội danh với người bị hại mang cố tật là các cố tật trên khuôn mặt, các cố tật này làm ảnh hưởng tới thẩm mỹ của người bị hại.

- *Trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ:*

Trường hợp này được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 - BLHS. Đây là trường hợp xảy ra cũng khá phổ biến, đứng sau trường hợp dùng hung khí nguy hiểm, bởi các đối tượng phạm tội thường là những thanh thiếu niên hư hỏng, sống lang thang, buông thả, thực hiện tội phạm do những nguyên cơ nhỏ nhặt hoặc không cần có lý do. Đối với các trường hợp này qua nghiên cứu các bản án cho thấy:

Tòa án đã căn cứ vào khách thể bị xâm hại, mặt khách quan, lỗi của các bị cáo, chủ thể, tỷ lệ thương tích được xác định là dưới 11% nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội có tính hung hãn cao, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác không có nguyên cơ mặc phạm tội vì lý do nhỏ nhặt để áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất côn đồ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ví dụ: Bản án hình sự sơ thẩm số: 161/2013/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. [2]

Do gia đình bà Hoàng Thị Thành (mẹ Dương Văn Trung) và gia đình chị Vương Thị Hiền có xảy ra tranh chấp đất đai. Nên khoảng 14h ngày 08/5/2013, tại nhà chị Vương Thị Hiền ở Thôn Ngoài, xã Cộng Hòa, Tp Cẩm phả, Dương Văn Trung đã dùng dao (loại dao dài khoảng 60cm) chém một nhát vào bàn tay phải của chị Hiền và chém một nhát vào chiếc mũ cối ông Hà Văn Phùng đang đội trên đầu. Hậu quả: Chị Hiền bị thương tích tổn hại 8% sức khỏe; ông Phùng bị thương tích tổn hại 4% sức khỏe.

Với nội dung trên, toà án nhân dân Tp Cẩm Phả đã quyết định: Tuyên bố bị cáo: Dương Văn Trung phạm tội: "Cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm a,c,i, khoản 1, Điều 104; điểm p, khoản 1, Điều 46 - BLHS. Xử phạt : Dương Văn Trung 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt: 08/5/2013.

2.2.1.3. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo CTTP tăng nặng

- Định tội danh theo quy định tại khoản 2, Điều 104 BLHS:

Các tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 2, Điều 104 BLHS tương tự như cấu thành cơ bản, vẫn phải định tội theo các yếu tố CTTP của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chỉ khác về mức độ hậu quả xảy ra thuộc về dấu hiệu của mặt khách quan. Hậu quả do hành vi của tội này có tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng phải thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k, khoản 1, Điều 104 BLHS.

- Trường hợp tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%:

** Trường hợp người phạm tội dùng hung khí nguy hiểm:* Qua nghiên cứu các vụ án đã xét xử cho thấy, tuy hậu quả tỷ lệ thương tật của người bị hại từ 11% đến 30%, nhưng các bị cáo đã sử dụng công cụ phương tiện phạm tội là mã tấu, dao, rựa, xà beng, gạch, đá... là những vật có tính nguy hiểm. Trên cơ sở đó, Tòa án áp dụng tình tiết định khung là hung khí nguy hiểm là đúng theo quy định của pháp luật.

VD: Bản án hình sự sơ thẩm số 266/2013/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. [3]

Khoảng 02 giờ ngày 07/6/2013 tại tổ 2, khu 1, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, Mai Bá Hạnh đi làm về đến đoạn đường trước cửa nhà thì thấy anh Dương Như Quỳnh đi xe mô tô biển kiểm soát 19K1 – 3848 từ trong xóm đi ra. Do nghĩ rằng anh Quỳnh đi xe mô tô vừa trộm cắp được nên Hạnh chặn xe mô tô của anh Quỳnh lại hỏi giấy tờ và làm đổ xe mô tô xuống đường nên giữa anh Hạnh và anh Quỳnh xảy ra xô sát, đánh nhau. Hạnh chạy vào nhà lấy dao đuổi theo nên anh Quỳnh bỏ chạy và gọi điện thoại cho vợ, bảo em vợ là Đỗ Quý Phương đến để lấy xe về. Sau đó Hạnh gọi điện cho Phạm Văn Sỹ đến. Khi Phương đến để lấy xe mô tô của anh Quỳnh thì Hạnh và Sỹ không cho lấy xe và còn giữ cả xe của Phương lại nên giữa Hạnh, Sỹ và Phương xảy ra lời qua tiếng lại rồi Phương bỏ đi. Khoảng 10 phút sau Phương mang theo một túp sắt cùng một toán thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) đến cầm gậy và dùng gạch đá đuổi, ném về phía Hạnh và Sỹ. Ngay lúc đó Sỹ chạy vào trong bếp lấy một con dao bầu chạy ra ném về phía Phương và nhóm thanh niên làm anh Phương bị thương tích, thiệt hại 25% sức khỏe. Sau khi sự việc xảy ra, Phạm Văn Sỹ đến cơ quan công an tự thú, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Phương.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Sỹ phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 2, điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 - BLHS. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Sỹ 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày đã tạm giam từ ngày 07/6/2013 đến ngày 19/6/2013.

* *Trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ*: Qua nghiên cứu các vụ án đã xét xử cho thấy. Tuy hậu quả tỷ lệ thương tật của người bị hại từ 11% đến 30%, và đảm bảo các yêu cầu về khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan và chủ thể của tội phạm CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Nhưng vô cố hoặc vì nguyên do nhỏ nhặt các bị cáo đã có hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người bị hại.

Ví dụ: Bản án hình sự sơ thẩm số 244/2014/HSST ngày 20/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh [4].

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 13/2/2013, tại Câu lạc bộ Hoàn Mỹ, thuộc tổ 79, khu 5, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, do mâu thuẫn trong sinh hoạt, Nguyễn Văn Tuấn, Tạ Văn Tuấn, Đồng Xuân Quyên, Phạm Duy Hòa, Trần Đức Hậu, Vũ Thế Quân và Phạm Tuấn Ninh có hành vi dùng chai, cốc và dùng chân, tay đánh, đập gây thương tích cho các anh Phạm Tuấn Anh, Mai Quốc Huy và Phạm Tiến Thắng, làm anh Phạm Tuấn Anh tổn hại 25% sức khỏe; anh Mai Quốc Huy tổn hại 22% sức khỏe; anh Phạm Tiến Thắng tổn hại 12% sức khỏe.

Với nội dung trên, Toà án nhân dân thành phố Hạ Long đã quyết định: Áp dụng Khoản 2 Điều 104; Khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 BLHS. Xử phạt Tạ Văn Tuấn 05 (năm) năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p (đối với Quân, Quyên áp dụng thêm điểm b) khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 BLHS, xử phạt Trần Đức Hậu 30 tháng tù; Vũ Thế Quân 30 tháng tù; Phạm Duy Hòa 30 tháng tù; Đồng Xuân Quyên 30 tháng tù, đều về tội: *Cố ý gây thương tích*, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam và từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt Nguyễn Văn Tuấn 05 năm 06 tháng tù; Phạm Tuấn Ninh 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 48 tháng, giao bị cáo Ninh cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục; quyết định bồi thường, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

* *Trường hợp gây thương tích cho nhiều người*: Tại các bản án đã tuyên, Tòa án đã căn cứ vào mặt khách quan của hành vi phạm tội, dấu hiệu hậu quả là tỷ lệ thương tật dưới 31% của người bị hại, khách thể bị xâm phạm, lỗi của các bị cáo, tình tiết các bị cáo gây thương tích cho từ 2 người trở lên để áp dụng tình tiết "gây thương tích cho nhiều người" là có căn cứ.

Ví dụ: Bản án hình sự sơ thẩm số: 02 ngày 18/6/2013 của Toà án nhân dân huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh [5].

Khoảng 17 giờ ngày 25/01/2013, tại khu vực bãi biển phía trước tượng đài Bác Hồ thuộc khu 3, thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô đã xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại dẫn đến xô sát giữa Nguyễn Văn Triệu, Hoàng Văn Cường, Đinh Trọng Quý, Đinh Văn Huân, Đỗ Văn Ba cùng một số người khác quê ở xã Tân lập, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh với nhóm của Hà Văn Trung, Hà Văn Kiên, Hà Văn Lý, Hoàng

Văn Thực cùng một số người khác quê ở xã Vạn Ninh, thành phố Móng cái, tỉnh Quảng Ninh. Lúc đó ông Hà Văn Vinh (bố đẻ của Hà Văn Trung) đang ở dưới tàu nghe tin con mình đang xảy ra xô sát trên bãi biển nên đã cùng Hoàng Văn Dũng và một số người cùng quê chạy thuyền mảng vào bờ, thấy vậy Hoàng Văn Thắng (là người cùng quê và Đoàn tàu của Nguyễn Văn Triệu) đã can ngăn nhưng không được, Hoàng Văn Thắng đã cùng Hoàng Văn Sinh, Hoàng Văn Sửu, Hoàng Văn Lai và một số người khác cầm theo dao, tay lái tàu bằng gỗ chạy tàu vào bờ để hỗ trợ cho nhóm Nguyễn Văn Triệu. Sau đó hai bên xông vào đánh nhau hỗn loạn.

Hoàng Văn Thắng lao lên một tay túm cổ ông Vinh, tay còn lại cầm dao bầu dài 30cm giơ lên và nói: “Ông thích chết hay sao mà đánh nhau, ông muốn chết không”. Lúc đó Hoàng Văn Sinh cầm tay lái tàu bằng gỗ dài 95cm, đường kính khoảng 3,5cm đánh ông Vinh một nhát trúng vào đầu và đánh Hà Văn Trung một nhát. Trong khi đó Hoàng Văn Sửu, Hoàng Văn Lai, Nguyễn Văn Triệu đuổi theo Hoàng Văn Dũng để đánh, Sửu dùng dao phớ chém một nhát vào lưng Dũng, Dũng bị vấp ngã thì Nguyễn Văn Triệu, Hoàng Văn Lai xông vào dùng gậy gỗ dài khoảng 80cm đánh liên tiếp vào chân và tay Dũng, sau đó Bộ đội biên phòng đồn Cô Tô đã phát hiện bắt quả tang Hoàng Văn Thắng và Hoàng Văn Sinh.

Hậu quả: Hà Văn Vinh, Hà Văn Trung và Hoàng Văn Dũng đều bị thương, phải đưa đi chữa trị tại trung tâm y tế huyện Cô Tô và bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh đã xác nhận: Anh Hoàng Văn Dũng có tình trạng thương tích: Vùng thái dương phải có một vết thương dài 05cm, vùng lưng ngang xương sống 7 có một vết thương dài 05cm, gối phải có một vết thương dài 7cm, cẳng chân trái sưng nề biến dạng, có vết thương dài 03cm, gãy 1/3 xương chày trái. Ông Hà Văn Vinh có tình trạng thương tích: Vùng đỉnh đầu có một vết thương dài 07cm, sâu 0,3cm, vùng cổ có 4 vết xây xước da, vùng vai phải có một vết xước bầm tím da đường kính 02cm. Anh Hà Văn Trung có tình trạng thương tích: Vùng thái dương đỉnh đầu phải có một vết thương dài 05cm, sâu 0,3 cm, vùng mặt sau cẳng tay phải có một vết xây sát dài 05cm dớm máu.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 54,55 ngày 29/01/2013; số 117, 118 ngày 12/3/2013 và bản kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung số

126 ngày 15/3/2013 của phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh đã kết luận: Hoàng Văn Dũng bị tổn hại 24% sức khỏe, ông Hà Văn Vinh bị tổn hại 07% sức khỏe vĩnh viễn, anh Hà Văn Trung bị tổn hại 05% sức khỏe vĩnh viễn.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Cô Tô đã áp dụng khoản 2 điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47 BLHS. (Các bị cáo Hoàng Văn Sửu, Hoàng Văn Sinh, Hoàng Văn Lai và Hoàng Văn Thắng được áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 BLHS). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Triệu 18 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án; Hoàng Văn Sửu 24 tháng tù cho hưởng án treo; Hoàng Văn Lai 18 tháng tù cho hưởng án treo; Hoàng Văn Sinh 12 tháng tù cho hưởng án treo; Hoàng Văn Thắng 12 tháng tù cho hưởng án treo.

- Định tội danh theo quy định tại khoản 3, Điều 104BLHS:

Các tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 3, Điều 104 BLHS tương tự như cấu thành cơ bản, vẫn phải định tội theo các yếu tố CTTP của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chỉ khác về mức độ hậu quả xảy ra thuộc về dấu hiệu của mặt khách quan của tội phạm. Hậu quả do hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thương tật từ 61% trở lên hoặc từ 31% đến 60% nhưng phải thuộc một trong các trường hợp được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS.

Về cơ bản Tòa án đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự trong việc xác định khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan và chủ thể của tội phạm. Cũng có một số trường hợp áp dụng khoản này vì nạn nhân đã tử vong.

Ví dụ: Bản án số: 08/2013/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Tòa án Nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh [6].

Do bị anh Phòong A Sinh nghi ngờ bán sáu con trâu nuôi chung. Ngày 06/5/2012, khi biết vợ chồng anh Sinh đang trên đường từ phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả về nhà, Lý Văn Năm nhờ Lý Văn Quang, Phùn Văn Hương, Lý Quốc Cường, Tăng Văn Thảo, Hồ Văn Bốn cùng đi tham gia đánh. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh Sinh điều khiển xe mô tô BKS: 14K1 – 0955 chở vợ là chị Lý Thị Nguyên đi đến khu vực xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên thì Năm gọi điện cho

anh Sinh bảo đi vào khu đập nước Khe Hố có việc cần. Khi quay vào khu đập nước, Năm ra hiệu cho mọi người biết anh Sinh đang đi vào. Anh Sinh chở chị Nguyễn đi đến gần khu đập nước Khe Hố thấy có nhiều người nên quay xe bỏ chạy về phía trung tâm xã Hải Lạng. Quang liền điều khiển xe mô tô BKS: 14H7 – 0791 của Công chở Hường đuổi theo đến cầu ngầm thôn Hà Dong Bắc, Quang vượt lên chặn xe anh Sinh, Hường xuống xe giờ còn sát dọa nhưng anh Sinh vẫn điều khiển xe vượt qua, Quang tiếp tục điều khiển xe chở Hường đuổi theo anh Sinh đến đoạn đường Km 200 Quốc lộ 18A, thuộc thôn Hà Dong Nam, xã Hải Lạng thì đuổi kịp anh Sinh, Hường dùng côn sắt vọt một nhát vào vai trái chị Nguyễn, anh Sinh điều khiển xe vượt lên thì bị Quang chở Hường tiếp tục đuổi theo, Hường dùng côn sắt đánh một nhát vào thái dương trái chị Nguyễn, một nhát trúng vào mũ bảo hiểm anh Sinh đang đội trên đầu rồi trượt xuống đập vào cánh tay trái chị Nguyễn. Quang điều khiển xe mô tô vượt lên phía trước, anh Sinh điều khiển xe mô tô đi tiếp khoảng 20 m thì đâm vào một cọc tiêu ven đường, làm xe mô tô bị đổ, ngã, anh Sinh bị tử vong tại hiện trường còn chị Nguyễn bị thương được đưa đi cấp cứu.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi và bản kết luận giám định Pháp y về tử thi ngày 08/5/2012 của Phòng giám định Pháp y, bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh kết luận: Anh Phòong A Sinh bị tử vong do chấn thương sọ não, dập não, chèn ép não.

Tại giấy chứng nhận thương tích và bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 421 ngày 04/10/2012 của Phòng giám định Pháp y, bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chị Lý Thị Nguyễn bị thương vùng thái dương bên trái dài 05cm, cổ trái có vết bầm tím (07 x 03) cm, vết bầm tím dọc lưng vai trái (08 x 03) cm, bụng mềm, nắn đau hạ sườn trái, sây sát da bàn chân trái, gãy xương sườn I, II, III, IV, VI, VII. Sức khỏe bị giảm do thương tích gây ra là 41%.

Toà án Nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đã kết luận: Lý Văn Năm, Lý Văn Quang, Phùn Văn Hường, Lý Văn Công (Lý Văn Anh) và Hồ Văn Bốn (Hồ Văn Tư) phạm tội: “Cố ý gây thương tích” và đã áp dụng Khoản 3, Điều 104; Điều p, Khoản 1, Khoản 2, Điều 46; điều 20; Điều 53 BLHS. Xử phạt: Lý Văn Năm 11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 10/6/2012. Xử phạt Lý Văn Quang 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/6/2012. Xử phạt Phùn Văn Hường 09

năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/6/2012 . Xử phạt Lý Văn Coong 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án . Đối với Hồ Văn Bốn được áp dụng thêm điểm h, Khoản 1, Điều 46 ; Điều 47 ; Điều 69; Khoản 1, điều 74 BLHS và bị xử phạt 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2.2. Những vi phạm, sai lầm

Trên thực tế, những vướng mắc dẫn đến sai lầm trong quá trình định tội danh đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác không phải không phải là không có, thậm chí có thể nói là nhiều vướng mắc.

* Người bị hại không đồng ý để giám định tỉ lệ thương tật: Như vụ án cố ý gây thương tích nhưng sau đó người bị hại và bị cáo hòa giải với nhau, người bị hại đã đồng ý nhận một khoản tiền bồi thường của bị cáo và không đồng ý đi giám định thương tích. Trường hợp này không thể ép buộc người bị hại đi giám định thương tích nếu như họ không muốn.

* Tỉ lệ thương tật là 0% nhưng lại xảy ra hậu quả khác do hành vi trái pháp luật của bị cáo: Như trường hợp một người xô xát với một người phụ nữ mang thai, người này đã có những tác động như đấm, đá vào bụng người phụ nữ làm người phụ nữ bị xảy thai. Khi giám định thương tích, người bị hại với mức độ thương tích là 0% khó để quyết định hình phạt trong trường hợp này.

* Xác định ý thức chủ quan của người phạm tội:

Là trường hợp bị cáo nằm trong ranh giới giữa hai tội, việc quyết định tội danh của bị cáo có thể có nhiều quan điểm trái chiều.

Ví dụ: Hai người xô xát, một người bị đập chai bia vào đầu bất tỉnh nên người kia tưởng người này đã chết và ra công an đầu thú.

Có quan điểm cho rằng, phải xử phạt người ra đầu thú về tội Cố ý gây thương tích vì người bị hại không tử vong và mức độ thương tích không quá nặng nhưng cũng có quan điểm cần xử tội Giết người do người cầm hung khí đánh vào đầu là khu vực nhạy cảm, có thể dẫn đến tử vong.

* Về tình tiết phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam: Trường hợp người bị giam, giữ không đúng quy định của pháp luật hoặc người bị giam, giữ người không có tội mà người này gây thương tích trong thời gian bị giam, giữ đó thì

liệu họ có tội hoặc có bị tăng nặng khung hình phạt hay không, vẫn chưa có sự nhận thức thống nhất.

Ví dụ như: ngày 01/01/2010; Nguyễn Văn A có dấu hiệu trộm cắp tài sản, nên đã bị khởi tố tạm giam 2 tháng để điều tra. Trong quá trình bị tạm giam, ngày 20/01/2010, Nguyễn Văn A đánh Nguyễn Văn B, gây thương tích cho B với tỷ lệ thương tật 7%. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn A về tội CYGTT theo điểm g khoản 1 Điều 104 BLHS. Trong quá trình điều tra vụ án, xác định A không phạm tội trộm cắp tài sản nên đã ra quyết định đình chỉ bị can đối với A về tội trộm cắp tài sản, tiếp tục điều tra, truy tố A về tội CYGTT.

Quan điểm thứ nhất: Việc khởi tố và truy tố Nguyễn Văn A về tội CYGTT là hoàn toàn đúng pháp luật, A đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam do người có thẩm quyền ký và được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Trong quá trình tạm giam, bị can A đã thực hiện hành vi CYGTT cho Nguyễn Văn B, với tỷ lệ thương tật là 7%.

Quan điểm thứ hai: Việc Nguyễn Văn A đã thực hiện hành vi CYGTT cho Nguyễn Văn B, với tỷ lệ thương tật là 7% xuất phát từ chính sai lầm của cơ quan THTT đã khởi tố, tạm giam oan sai đối với Nguyễn Văn A. Do đó, không thể áp dụng tình tiết phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam để xử lý A về tội CYGTT, mà chỉ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bên cạnh đó còn nhiều vướng mắc khác như: Định tội danh với tình tiết phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người, tình tiết dùng hung khí nguy hiểm hoặc tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân...

Những vướng mắc trên xuất phát do pháp luật nói chung và BLHS chưa quy định chặt chẽ, không có văn bản hướng dẫn thi hành cũng như chứng cứ thu thập trong hồ sơ là chưa đầy đủ, chính xác. Trong những trường hợp trên, ranh giới định tội danh giữa tội này và tội kia là rất mong manh. Nếu xác định sai tội danh sẽ ảnh hưởng lớn việc QĐHP. Như tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể có mức hình phạt cao hơn nhiều (tù chung thân) so với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (7 năm tù)...

2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.3.1. Những kết quả đạt được

Sau khi định tội danh chính xác, QĐHP là một giai đoạn trong quá trình xét xử tội phạm, giai đoạn này cũng là một giai đoạn vô cùng quan trọng. Bởi lẽ hình phạt phù hợp với mức độ, tính nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu, quan điểm của những người tham gia tố tụng, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ sẽ thể hiện được sự răn đe, giáo dục người phạm tội nhưng vẫn thể hiện sự nhân đạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bảng 2.4: Hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo bị xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Đơn vị tính: Bị cáo

Năm	Tổng số bị cáo	Các hình phạt áp dụng									
		Cảnh cáo	Phạt tiền	Đưa vào trường giáo dưỡng	Cải tạo không giam giữ	Cho hưởng án treo	Tù dưới 3 năm	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ 7 năm đến 15 năm	Tù trên 15 năm	Tù chung thân
2011	276	0	0	3	0	79	138	53	3	0	0
2012	202	0	0	1	2	73	94	28	4	0	0
2013	271	0	0	0	2	65	140	53	11	0	0
2014	206	0	1	0	0	41	114	43	6	1	0
2015	106	0	0	0	0	25	50	29	2	0	0
Tổng	1061	0	1	4	4	283	536	206	26	1	0
Số %	100%	0%	0,1%	0,8%	0,8%	26,7%	50,5%	19,4%	2,4%	0,1%	0%

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Trên đây là bảng số liệu thực tiễn quá trình QĐHP đối với người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm 2011 đến năm 2015.

Qua bảng thống kê có thể nhận thấy sự phù hợp về hình phạt so với định tội danh. Nghĩa là hình phạt tương xứng với hành vi mà người phạm tội gây ra. Cụ thể, ở bảng 2.3, số vụ án bị áp dụng khoản 2 là nhiều nhất, nên tương ứng với hình phạt, số bị cáo bị xử phạt mức tù dưới 3 năm là nhiều nhất, chiếm 50,5% các bị cáo. Khoản 3 xếp sau khoản 2, tương ứng là 19,4% các bị cáo bị xử phạt từ 3 tới dưới 7 năm tù.

Ví dụ như bản án số: 142/2013/HSST ngày 26/9/2013 của TAND tỉnh Quảng Ninh [7].

Ngô Thị Bình làm nghề vận chuyển hàng cho doanh nghiệp Trung Quốc. Bình thuê đồ của anh Cường để vận chuyển hàng. Trung tuần tháng 9/2012, anh Cường nhận chở thuê cho Bình màn hình ti vi tinh thể lỏng nhưng do Trung Quốc cấm biên nên Cường thuê Trần Văn Lương là người lái đồ thuê trông coi số hàng trên giúp. Ngày 28/9/2012, Cường phát hiện bị mất hàng và nghi cho anh Lương trộm cắp nên đã gọi điện báo anh Lương đến nhà Bình nói chuyện. 16 giờ ngày 28/9/2012, anh Lương đến nhà Bình trước thì hai bên đã xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh Lương không nhận lấy trộm hàng còn định hành hung, Bình kêu lên: “trộm đánh người”. Lúc này, Tùng là người thuê trọ gần đó, chạy sang thấy anh Lương bỏ chạy, Tùng đã cùng hai thanh niên đuổi theo bắt được anh Lương. Tùng cùng hai thanh niên dùng chân đạp, đá nhiều nhất vào đầu, ngực anh Lương, còn Bình đứng ngoài hô kích động mọi người đánh anh Lương. Khi bị đánh đau, Lương đã thừa nhận có trộm màn hình ti vi. Sau khi lấy được 12 màn hình về, các bị cáo cùng anh Cường có đưa anh Lương đi cấp cứu nhưng do vết thương nặng, ngày 05/10/2012, anh Lương đã tử vong. Nguyên nhân chết: do chấn thương sọ não, chảy máu màng mềm, dập não, phù não.

Tại bản cáo trạng số 131/KSĐT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Ngô Thị Bình, Đỗ Viết Tùng về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS.

* Trong vụ án này, khi QĐHP TAND tỉnh Quảng Ninh đã căn cứ QĐHP như sau:

- Về căn cứ vào các quy định của BLHS: Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo được thể hiện cùng với hậu quả là nạn nhân tử vong và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với các quy định của phần Các tội phạm của BLHS, đủ căn cứ kết luận: Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội: “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS như Viện kiểm sát đã truy tố.

- Về căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hậu quả gây ra là rất nghiêm trọng, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của công dân, gây đau thương cho gia đình bị hại, gây mất trật tự ở địa phương và trật tự an toàn xã hội.

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật song do coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật nên đã bất chấp. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm, việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết. Có như vậy mới đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về căn cứ vào nhân thân người phạm tội: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Do các tình tiết này không được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận coi là các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

- Về căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS: Các bị cáo đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại có lỗi một phần, gia đình người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Bình: phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại. Từ đó áp dụng khoản 3 Điều 104, các điểm b, p, đ khoản 1 điều 46 BLHS.

Căn cứ vào các lý do trên đây khi QĐHP, TAND tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: Tuyên bố: các bị cáo Ngô Thị Bình, Đỗ Viết Tùng phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng: khoản 3 Điều 104, các điểm b, p, đ khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 BLHS. Xử phạt: bị cáo Ngô Thị Bình 30 (ba mươi) tháng tù.

Thời hạn tính từ ngày bị bắt. Áp dụng: khoản 3 Điều 104, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 BLHS. Xử phạt: bị cáo Đỗ Viết Tùng 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị bắt được trừ đi những ngày đã tạm giam từ ngày 27/12/2012 đến ngày 25/4/2013.

2.3.2. Những vi phạm, sai lầm

2.3.2.1. Nhận thức chưa đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS

Hiện nay, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tương đối đầy đủ tại khoản 1 Điều 46 BLHS, ngoài ra khoản 2 Điều 46 BLHS còn cho phép Tòa án xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác không được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS và phải ghi rõ các tình tiết “mới” này trong bản án. Thực tế xét xử hiện nay cho thấy có rất nhiều tình tiết “mới” được áp dụng một cách phổ biến trong nhiều bản án ở nhiều Tòa án các cấp trên toàn quốc, nhưng đến nay chưa được ghi nhận vào khoản 1 Điều 46 BLHS như: người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công với cách mạng... Vì vậy dễ xảy ra trường hợp: ở đa số Tòa án các cấp trên toàn quốc đã vận dụng quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS để quyết định đây là tình tiết giảm nhẹ đối với người phạm tội, nhưng một số Tòa án khác thì lại không coi đây là tình tiết giảm nhẹ vì vậy không xem xét áp dụng đối với người phạm tội. Việc không phải là một trong những tình tiết “cứng” được ghi nhận như các tình tiết tại khoản 1 Điều 46 BLHS đã dẫn tới việc áp dụng không thống nhất như trên.

2.3.2.2. Quyết định hình phạt chưa tương xứng với người phạm tội sau khi áp dụng quy định tại Điều 47 BLHS

Điều 47 BLHS quy định: “*Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật...*” Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của HĐTP TANDTC thì những quy định tại Điều 47 BLHS chỉ áp dụng đối với hình phạt chính mà không áp dụng đối với hình phạt bổ sung.

Tuy nhiên thực tiễn xét xử cho thấy: trong một số trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 BLHS, được áp dụng quy định tại Điều 47 BLHS và xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của điều luật áp dụng với bị cáo, mức xử phạt đó là trong khung hình phạt thấp hơn liền kề của điều luật nhưng vẫn là quá nặng đối với bị cáo. Đặc biệt trong một số vụ án đồng phạm, khi người phạm tội không phải có vai trò chính trong vụ án mà ngược lại chỉ có vai trò rất mờ nhạt, thậm chí trong nhiều trường hợp có thể đánh giá khách quan rằng nếu như không có sự đóng góp của người phạm tội đó thì tội phạm vẫn sẽ diễn ra bởi những người phạm tội khác. Trong những trường hợp như vậy, việc áp dụng cứng nhắc các quy định của Điều 47 BLHS khiến cho việc xử lý đối với người phạm tội là quá nghiêm khắc, chưa tương xứng với hành vi của người phạm tội trong vụ án.

2.4. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn xét xử

* Do pháp luật hình sự chưa quy định cụ thể rõ ràng, chưa hướng dẫn thi hành pháp luật kịp thời

- Áp dụng điểm b khoản 1: “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” theo khoản 2 và khoản 3 Điều 104 BLHS như thế nào?

Theo khoản 3 Điều 104 quy định: “*Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật ...hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*”.

Còn theo khoản 4: “*Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật... từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm*”.

Có thể dễ dàng nhận thấy thương tích từ 11% đến 30% hoặc 31% đến 60% thì khả năng nạn nhân sẽ phải chịu các cố tật khó có thể gọi là cố tật nhẹ.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 104: “*Có tính chất côn đồ...*” như thế nào?

* Năng lực của người tiến hành tố tụng chưa đồng đều, nhận thức chưa thống nhất

Có một số ít Thẩm phán khi điều khiển phần tranh luận chỉ làm nhiệm vụ: sau khi Luật sư và những người tham gia tố tụng phát biểu ý kiến, đối đáp với Kiểm sát viên thì ngay lập tức yêu cầu Kiểm sát viên đối đáp lại mà không quan tâm những nội dung đó đã rõ hay chưa, đã được đối đáp bao nhiêu lần. Rất ít có Thẩm phán đưa ra các nội dung cụ thể để yêu cầu Kiểm sát viên đối đáp lại.

* Chưa thường xuyên gắn kết xét xử với tổng kết xét xử để có được những đường lối, rút kinh nghiệm cho những lần xét xử sau.

* Chưa xây dựng được án lệ về loại tội phạm này: Nhằm giúp cho quá trình xét xử các vụ án có tính chất đặc biệt một cách dễ dàng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức của người tiến hành tố tụng.

* Có những tác động tiêu cực của mặt trái xã hội: Là hiện trạng xảy ra khá thường xuyên, bị chi phối bởi nền kinh tế thị trường, bị đồng tiền làm mờ mắt, dần dần bị tha hóa, câu kết làm sai lệch hồ sơ vụ án, truy tố và xét xử nhẹ hơn hoặc với tội danh có mức hình phạt thấp hơn thực tế khách quan tội danh thực của người phạm tội.

Kết luận Chương 2

Định tội danh và QĐHP là hai hoạt động thực tiễn của Tòa án, có ý nghĩa quan trọng thể hiện quan điểm của Nhà nước khi lên án đối với tội phạm CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đồng thời có biện pháp trừng trị nghiêm khắc đối với tội phạm này.

Từ thực tiễn định tội danh và QĐHP về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại tỉnh Quảng Ninh từ năm 2011 đến năm 2015 đã cho thấy tư duy nhận thức và áp dụng pháp luật. Tòa án tỉnh Quảng Ninh đã vận dụng tốt các lý luận về định tội danh vào thực tiễn để quyết định tội danh, khung hình phạt một cách chính xác, không bỏ lọt tội phạm cũng như không kết tội oan cho công dân. Bên cạnh đó, việc QĐHP cũng đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và căn cứ vào tất cả các yếu tố như hành vi, nhân thân người phạm tội, các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đưa ra hình phạt tương ứng với hành vi mà vẫn thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật mà nhân đạo của nhà nước ta.

Mặc dù vẫn còn nhiều vướng mắc trên thực tiễn, tuy nhiên cơ bản việc xét xử tội phạm này cũng không quá phức tạp, khả năng dẫn đến sai lầm không cao. Cũng trong luận văn này, tác giả xin đưa ra một số giải pháp để khắc phục những vi phạm, sai lầm trong quá trình định tội danh và QĐHP – thể hiện trong chương 3 sau đây.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÉT XỬ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng xét xử tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1.1. Yêu cầu của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Trong sự phát triển kinh tế, xã hội mạnh mẽ hiện nay của cả nước nói chung, Quảng Ninh cũng như các địa phương khác trên cả nước có những bước tiến không ngừng về mọi mặt khoa học, đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển đó là sự phát triển của tội phạm nói chung và tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Loại tội phạm này có diễn biến giản đơn, không phức tạp như các tội phạm về kinh tế nhưng lại ẩn chứa hiểm họa sâu sắc hơn nhiều. Không có những thủ đoạn tinh vi nhưng lại ngày càng mạnh động và ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an xã hội.

Tội phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm xâm hại tới tính mạng, sức khỏe, là thứ quý giá nhất của con người. Xâm phạm tới tính mạng sức khỏe của người khác là xâm phạm tới một trong số những quyền cơ bản của mỗi công dân, đó là quyền được sống, được đảm bảo về sức khỏe. Trong những năm qua, mặc dù nhà nước ta đã nhận ra sự nguy hiểm của loại tội phạm này và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật tuy nhiên loại tội phạm này vẫn diễn biến vô cùng nguy hiểm, đặc biệt phức tạp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong thời gian qua. Có thể nói, tính chất nguy hiểm của hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là vô cùng lớn.

Những năm gần đây, Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chính sách nhằm ngăn chặn, giảm thiểu mức độ, phạm vi, hậu quả mà tội phạm gây ra đối với xã hội, ngăn chặn không để cho bất kì cá nhân nào phạm tội và chịu TNHS tuy nhiên điều đó là rất khó khăn. Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng là chủ động loại trừ nguyên nhân

của nó và điều kiện phát sinh, tồn tại của tội phạm. Phòng ngừa tội phạm được coi là biện pháp hiệu quả nhất trong công cuộc duy trì trật tự, an ninh xã hội.

3.1.2. Phải đưa bộ luật hình sự 2015 vào cuộc sống

Bên cạnh công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm thì việc xây dựng để hoàn thiện pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống là vấn đề rất quan trọng. Nhà nước ta xây dựng pháp luật bao gồm hoạt động xây dựng pháp luật, hoạt động áp dụng pháp luật, giáo dục ý thức pháp luật. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn để xây dựng pháp luật cho phù hợp cũng như đảm bảo việc áp dụng pháp luật trên thực tế. Qua nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tội phạm nói chung, cụ thể về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng trong nhiều năm qua cho thấy một số quy định của BLHS liên quan đến tội phạm này còn bất hợp lý và thiếu cụ thể. Do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ tới áp dụng pháp luật vào hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (viết tắt là BLHS năm 2015) được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, được Chủ tịch nước công bố vào ngày 18/12/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 là một trong những đổi mới lớn nhất mà Nhà nước đã làm để hoàn thiện hệ thống pháp luật. Bộ luật này bao gồm 3 phần, 26 chương và 426 điều, trong đó có nhiều điểm mới như bỏ hình phạt tử hình đối với một số tội danh, thêm quy định TNHS của pháp nhân nhằm đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, nhất là đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật về kinh tế và môi trường của pháp nhân và để bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Yêu cầu đặt ra là phải đưa BLHS năm 2015 vào cuộc sống, tuy nhiên do có nhiều sai sót nên BLHS năm 2015 được thi hành chậm hơn, ngày 01-01-2017.

3.1.3. Yêu cầu bảo vệ quyền con người

Sự phát triển của Hiến pháp năm 2013 về việc ghi nhận và đảm bảo thực hiện tốt hơn các quyền con người, quyền công dân đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cả hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự với tính cách là công cụ pháp lý quan trọng và sắc bén nhất trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con

người, quyền cơ bản của công dân. Theo đó, một mặt, BLHS 2015 đã đảm bảo tốt hơn quyền con người, quyền công dân xử lý nghiêm các hành vi xâm hại các quyền con người, quyền cơ bản của công dân; mặt khác cần nghiên cứu, đề xuất sửa đổi theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tạo điều kiện thuận lợi để người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng. Thực tiễn cho thấy, vẫn còn tình trạng quyền con người, quyền cơ bản của công dân, nhất là đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội vẫn chưa được tôn trọng một cách đầy đủ, toàn diện. Nhìn chung, người dân chưa thực sự cảm thấy an toàn về môi trường sống, vẫn còn xảy ra những vụ giết người, cướp của tàn bạo gây chấn động trong dư luận và gây tâm lý hoang mang trong một bộ phận nhân dân; người dân chưa thực sự yên tâm phát huy tính sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tích cực, chủ động tham gia phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật. Tình trạng ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm, mất an toàn trong lao động, trong xây dựng, trong khi tham gia giao thông đã đến mức báo động. Đối với người bị kết án thì việc xóa án tích, nhất là đương nhiên được xóa án tích hiện nay rất phức tạp, thủ tục rườm rà chưa tạo điều kiện thuận lợi cho họ tái hòa nhập cộng đồng. Vì vậy, BLHS phải được tiếp tục hoàn thiện để góp phần tạo ra một khung pháp lý đủ mạnh nhằm bảo vệ một môi trường sống an lành cho người dân; bảo vệ tốt hơn các quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; động viên khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân yên tâm tham đấu tranh phòng, chống tội phạm, phát triển kinh tế, sáng tạo khoa học.

3.1.4. Yêu cầu cải cách tư pháp

Những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới (Nghị quyết số 08/NQ-TW); Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48/NQ-TW) và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49/NQ-TW).

- Theo tinh thần các Nghị quyết trên nhiều văn bản nhiều văn bản pháp luật về tổ tụng đã ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện như Hiến pháp 2013; Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, Luật tổ chức cơ quan điều tra 2015, BLHS 2015, BLTTHS 2015 và các đạo luật tư pháp khác... Trong đó xác định rõ và đầy đủ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.2.1. Hướng dẫn kịp thời và đồng bộ áp dụng BLHS 2015 và các văn bản pháp luật về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra các quyết định áp dụng pháp luật vào trong những trường hợp cụ thể của đời sống xã hội.

Áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực tư pháp của Nhà nước, được thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan TAND, VKSND, Cơ quan điều tra nhằm cá biệt hóa những quy phạm pháp luật hình sự vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, pháp nhân cụ thể.

Như vậy có thể thấy, áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động của các cơ quan THTT được thực hiện bởi những người THTT, mang tính tổ chức và để thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước. Hoạt động này có ý nghĩa đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào áp dụng trong thực tiễn để giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên các quy phạm pháp luật hình sự chỉ thực sự thể hiện được ý nghĩa của nó nếu nó được áp dụng đúng và việc áp dụng được thực hiện với đúng đối tượng. Vì vậy, các cơ quan THTT và những người THTT – trên cơ sở là nền tảng khung pháp lý vững chắc và rõ ràng – phải lựa chọn được ra đúng quy phạm pháp luật hình sự và xác định đúng đối tượng bị áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự đó, sau đó tiến hành thực hiện các biện pháp áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự đó đối với

đối tượng đã được xác định. Quá trình này còn được gọi là quá trình áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan THTT, được thực hiện bởi những người THTT. Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng và xác định đúng đối tượng bị áp dụng pháp luật hình sự là hai công việc quan trọng cần phải làm đúng và không được phép sai sót để áp dụng đúng các quy phạm pháp luật hình sự khi giải quyết vụ án hình sự, chỉ một trong hai yếu tố trên bị các chủ thể THTT xác định sai (như lựa chọn sai quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng, hoặc xác định sai đối tượng bị áp dụng pháp luật hình sự) thì việc áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan THTT sẽ được coi là sai, thậm chí có thể coi là hành vi vi phạm pháp luật và có thể truy cứu TNHS nếu có đủ các dấu hiệu của tội phạm hình sự. Việc áp dụng pháp luật hình sự sai dẫn tới nhiều hậu quả khôn lường trong hoạt động tư pháp của Nhà nước như: làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp của nhà nước, đặc biệt là các cơ quan THTT; làm mất lòng tin của nhân dân vào hoạt động của các cơ quan này; đồng thời làm tổn kém nhiều thời gian và tiền bạc của Nhà nước và của người dân để khắc phục những hậu quả do việc áp dụng pháp luật hình sự sai gây ra.

Để làm tốt quá trình áp dụng pháp luật hình sự cần phải có các hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự. Hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm định hướng, hướng dẫn cho các cơ quan THTT vận dụng đúng các quy phạm pháp luật hình sự vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tế. Hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự bao gồm hoạt động ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự và các hoạt động khác có ý nghĩa hướng dẫn trong việc đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn.

Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự (hay còn được gọi là ban hành văn bản quy phạm pháp luật hình sự) là hoạt động chủ yếu và quan trọng nhất của hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự. Đây là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp hình sự ban hành các văn bản có chứa đựng các nội dung nhằm thống nhất cách hiểu và cách áp dụng pháp luật hình sự trong phạm vi cụ thể khi giải quyết vụ án hình sự, hoặc có nội dung giải thích đối với các quy phạm pháp luật hình sự thiếu rõ ràng, dễ gây nhiều cách hiểu

khác nhau khi đưa vào vận dụng để giải quyết vụ án hình sự trong thực tế. Việc ban hành các văn bản dưới luật hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng pháp luật trong việc xử lý đối với tội phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng nhằm thống nhất cách áp dụng trong phạm vi của một ngành cụ thể, một cơ quan cụ thể hoặc của mọi cơ quan pháp luật trong phạm vi toàn quốc, chấm dứt tình trạng “sáng tạo” trong việc áp dụng pháp luật đối với các quy phạm pháp luật còn chưa cụ thể mà dẫn tới nhiều cách hiểu và cách áp dụng khác nhau.

Bên cạnh việc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự, hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự còn được thể hiện qua nhiều hình thức khác với nội dung nhằm giải thích và hướng dẫn cách thức vận dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn. Các hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự cụ thể thông thường là: tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, các khóa đào tạo cho những người làm pháp luật; chỉ dẫn và thực hiện các đường lối giải quyết kiểu mẫu trong một số vụ án hình sự cụ thể.v.v... Những hoạt động này là hoạt động riêng lẻ của các cơ quan tư pháp cụ thể hoặc các ngành nhằm nâng cao nghiệp vụ và khả năng áp dụng pháp luật của những người thực hiện pháp luật của ngành mình, hoặc là các hoạt động trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa các ngành hoặc các cơ quan THTT với nhau nhằm tìm ra đường lối chung nhất để giải quyết đối với những vụ án hình sự phức tạp mà hiện vẫn còn nhiều quy phạm pháp luật hình sự hướng dẫn chưa rõ ràng hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể.

Khi bộ luật hình sự năm 2015 ra đời, có rất nhiều thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế trong việc quản lý xã hội của Nhà nước ta. Cần thiết phải nhanh chóng hướng dẫn kịp thời và đồng bộ BLHS 2015 vào cuộc sống. Trong BLHS 2015, tội danh CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ điều 104 thành điều 134 với một số thay đổi là bổ sung thêm tình tiết "Dùng a-xít sunfuric (H_2SO_4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác" để xử lý hình sự hành vi này trong trường hợp thương tích của nạn nhân dưới 11%. Thực tiễn trong thời gian qua, nhiều vụ việc người phạm tội gây thương tích cho nạn nhân bằng cách tạt axit. Qua giám định thương tích, có tỷ lệ tổn thương cơ

thể không lớn nhưng hậu quả là rất nghiêm trọng vì gây nên những cố tật về thẩm mỹ trên cơ thể, đặc biệt là khuôn mặt người bị hại, ảnh hưởng tới cả thể xác và tinh thần của họ trong suốt phần đời còn lại. Những hành vi này gây bức xúc, bất bình lớn trong dư luận. Do đó, việc quy định thêm tình tiết này là hoàn toàn hợp lý. Bên cạnh đó là bổ sung hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội. Đây cũng là một điểm mới mà cần áp dụng rất nhiều trong thực tiễn. Tuy nhiên để việc áp dụng pháp luật một cách chính xác và thống nhất thì cần ban hành các văn bản hướng dẫn áp để thực hiện. Do đó, công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật cần được triển khai kịp thời, tránh việc xử lý oan sai, bỏ lọt tội phạm hoặc cùng một điều luật, một tình tiết nhưng các cơ quan THTT lại có những cách hiểu khác nhau dẫn đến có những quyết định và hình phạt khác nhau ảnh hưởng đến bị can bị cáo.

3.2.2. Tập huấn Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng

Chất lượng xử lý tội phạm hình sự nói chung và xử lý tội phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng của các cơ quan pháp luật phụ thuộc rất lớn vào năng lực của các cán bộ pháp luật, mà ở đây chủ yếu là những người THTT. Ngay kể cả với những quy phạm pháp luật hình sự thể hiện trình độ pháp lý cao, nhưng nếu các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự là những người thiếu năng lực hoặc yếu kém trong việc vận dụng các quy phạm này vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn, thì việc các vụ án hình sự được giải quyết chậm chạp, thiếu chính xác hoặc thậm chí là oan sai là hoàn toàn có thể xảy ra. Trình độ, năng lực của những chủ thể áp dụng pháp luật càng yếu kém thì khả năng chậm chạp hoặc sai lầm trong giải quyết vụ án hình sự càng cao. Vì vậy để đảm bảo cho công tác giải quyết các vụ án tội phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác luôn đạt chất lượng cao, xử lý nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì đội ngũ những người THTT luôn phải có được năng lực cao. Việc không ngừng nâng cao năng lực của những người THTT luôn là đòi hỏi mang tính liên tục. Để việc trau dồi, nâng cao năng lực của những người THTT đạt được hiệu quả cao cần phải làm tốt được những vấn đề sau:

Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn, các khóa đào tạo nhằm nâng trình độ chuyên môn của những người THPT. Đây là hoạt động quan trọng nhất trong việc trau dồi và nâng cao năng lực của những người THPT. Trình độ chuyên môn của người THPT là yếu tố quan trọng nhất đồng thời là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của công tác xử lý tội phạm, giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Kể cả với một hệ thống quy phạm pháp luật tiên tiến, nếu trình độ chuyên môn của những người THPT kém cỏi sẽ không thể giải quyết đúng được các vụ án hình sự. Điều này dẫn tới không đạt được hiệu quả trong việc xử lý tội phạm cũng như hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Các chương trình tập huấn hoặc các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tự xây dựng và mở ra bao gồm các khóa đào tạo, chương trình tập huấn chuyên môn của riêng các ngành, hoặc các chương trình tập huấn, đào tạo phối hợp giữa các cơ quan liên ngành; hoặc là các hoạt động trong khuôn khổ các dự án hợp tác giữa các cơ quan tư pháp trong nước với các cơ quan tư pháp quốc tế hoặc các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ nhằm hướng tới huấn luyện, đào tạo chuyên sâu các cán bộ pháp luật về một hoặc một số lĩnh vực cụ thể trong tư pháp hình sự. Việc xây dựng và triển khai các dự án, chương trình tập huấn, đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cần phải được thực hiện thường xuyên ở tất cả các ngành trong lĩnh vực tư pháp, đặc biệt là các ngành TAND, VKSND, Công an nhân dân.

Tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật. Người cán bộ pháp luật nói chung và những người THPT nói riêng bên cạnh giỏi về trình độ chuyên môn còn phải là người có “đức”, thể hiện qua đạo đức nghề nghiệp. Những người THPT là những người làm việc theo pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật, tuyệt đối không để các yếu tố vật chất hay tinh thần từ bên ngoài tác động làm ảnh hưởng tới quá trình cân nhắc và giải quyết vụ án hình sự. Có như vậy việc giải quyết các vụ án hình sự mới được công tâm, thượng tôn pháp luật. Bên cạnh việc tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật, các cơ quan tư pháp nói chung và các cơ quan THPT còn phải xây dựng được bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên ngành mình để làm tiêu chuẩn mẫu và bắt buộc mọi

người phải tuân theo. Người cán bộ pháp luật bên cạnh việc có đạo đức trong thực hiện công tác chuyên môn còn phải có đạo đức với nhân dân, tận tình chỉ bảo và hướng dẫn nhân dân; tuyệt đối không được có thái độ cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu hoặc tham ô. Hoạt động tuyên truyền và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật chỉ thực sự có ý nghĩa nếu những người cán bộ pháp luật đó vừa biết tiếp thu các đường lối giáo dục đạo đức của cơ quan pháp luật, vừa tự có ý thức rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc giải quyết sai các vụ án hình sự xuất phát từ chính sai phạm của người THPT. Sai phạm của người THPT có thể xuất phát từ trình độ yếu kém của người THPT, nhưng cũng có rất nhiều trường hợp những người THPT thừa biết mình đang làm sai các quy định của pháp luật nhưng vẫn bất chấp làm vì để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan khác của người THPT. Nhưng dù xuất phát từ nguyên nhân nào, việc để xảy ra các sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự không những làm mất thời gian của cơ quan THPT khi phải giải quyết vụ án lại từ đầu mà còn làm mất uy tín của cơ quan THPT và mất lòng tin của nhân dân về hoạt động của các cơ quan THPT. Vì vậy, các sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cần thiết phải có một chế tài xử phạt thích đáng. Các cơ quan quản lý người THPT phải nghiêm túc xử lý đối với các trường hợp sai phạm của cán bộ cơ quan mình trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự với nguyên tắc: sai phạm đến đâu xử lý nghiêm đến đó, tuyệt đối không dung túng, bao che cho các sai phạm đó, trong trường hợp nếu phát hiện thấy có dấu hiệu của tội phạm hình sự phải nghiêm túc điều tra và xử lý hình sự đối với cá nhân thực hiện hoặc tiếp tay cho các sai phạm đó. Việc xử lý các sai phạm của cán bộ pháp luật được thực hiện bằng nhiều cách thức tùy thuộc vào mức độ sai phạm của cán bộ đó như: khiển trách, cảnh cáo, kỷ luật, điều chuyển công tác, buộc thôi việc hoặc thôi giữ chức vụ và không loại trừ khả năng phải xử lý hình sự nếu thấy cần thiết... Nói chung, dù với bất kỳ cách thức xử lý nào cũng phải phù hợp với tính chất của sai phạm và thể hiện sự nghiêm minh của cơ quan quản lý cán bộ đó. Việc đưa ra các chế tài xử phạt nghiêm khắc

đối với các sai phạm của người THPT cũng góp phần nhằm nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật.

Mọi hoạt động tác động bên ngoài nhằm nâng cao năng lực của các cán bộ pháp luật như đã nêu trên sẽ không thể đạt được mục đích đó nếu bản thân các cán bộ pháp luật (mà chủ yếu là những người THPT) không có ý thức tuân thủ. Ý thức trách nhiệm của người THPT có mối quan hệ nhân quả mật thiết tới năng lực của người THPT. Người có ý thức trách nhiệm cao trong công việc là người sẽ không muốn để xảy ra sai lầm trong công việc của mình, do vậy sẽ phải tự nâng cao năng lực của bản thân nhằm tránh gặp phải những sai lầm này. Việc tự nâng cao năng lực của bản thân các cán bộ pháp luật – trên cơ sở được Nhà nước trang bị đầy đủ những kiến thức và trình độ, năng lực cơ bản trong việc giải quyết các quan hệ pháp luật hình sự - là hoạt động riêng của mỗi cá nhân, phụ thuộc vào ý thức của mỗi cá nhân người cán bộ pháp luật, thường được diễn ra bằng các cách thức sau: Luôn có ý thức tự rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn của mình bằng cách nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành phục vụ cho công việc, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự mới nhất. Bên cạnh đó còn thường xuyên trao đổi những vướng mắc hoặc các vấn đề có liên quan trong công việc với những người làm công tác pháp luật khác. Việc trao đổi không chỉ nhằm tìm cách giải đáp, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết công việc của mình mà còn là hoạt động chia sẻ kinh nghiệm của bản thân nhằm giải quyết các vấn đề khó khăn trong công việc của đồng nghiệp, các cán bộ pháp luật khác, hoặc là hoạt động đánh giá và đưa ra cách giải quyết chung đối với những vụ việc thu hút sự chú ý của bản thân và của cán bộ pháp luật khác để làm kinh nghiệm cho bản thân khi giải quyết những vụ việc sau này. Không ngừng hoàn thiện tác phong và đạo đức nghề nghiệp của bản thân, tận tình với nhân dân và đồng nghiệp, lắng nghe ý kiến và chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực và các hoạt động cũng như các nhận thức sai lầm của những người THPT hoặc của cơ quan THPT. Thực hiện lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần trách nhiệm, cần kiệm liêm chính.

3.2.3. Cải cách thủ tục tiến hành tố tụng

Nghiên cứu sửa đổi các thủ tục tố tụng trong giải quyết một vụ án hình sự theo hướng: rút gọn các thủ tục TTHT; loại bỏ các thủ tục rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và gây phiền hà cho người dân tiếp cận công lý; bên cạnh đó cũng đồng thời bổ sung các thủ tục nhằm đảm bảo quá trình THTT và tham gia tố tụng được thuận lợi và nhanh chóng.

Ngoài ra, trong giai đoạn hội nhập với quốc tế hiện nay, các quy định tố tụng hình sự rút gọn nói chung không những phải thích nghi với các cơ quan THTT và công dân trong nước mà còn phải đảm bảo việc thích nghi và không trái với các quy định của các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên, hoặc các văn kiện đa quốc gia trong đó có Việt Nam trong phạm vi khu vực hoặc trên toàn thế giới.

3.2.4. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động của các cơ quan pháp luật (trong đó chủ yếu là các cơ quan THTT) tổng hợp kinh nghiệm giải quyết vụ án hình sự, tổng hợp việc áp dụng pháp luật hình sự trong hệ thống các cơ quan THTT theo những chủ đề nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định. Thông thường đây là hoạt động diễn ra trong nội bộ cơ quan và nội bộ của ngành hoặc giữa các cơ quan liên ngành với nhau theo khoảng thời gian mang tính chu kỳ và cách đều ổn định (như hàng tháng, hàng quý, hàng năm, hoặc theo năm công tác theo quy định của ngành đó). Đây cũng có thể là hoạt động giữa các cơ quan THTT trong nước với các cơ quan THTT quốc tế (đặc biệt là với các nước láng giềng) được diễn ra nhằm tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự giữa các quốc gia sau những khoảng thời gian nhất định cùng phối hợp trong công tác giải quyết các vụ án hình sự.

Trong hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, các chủ thể tham gia tổng kết tiến hành nêu lên các kết quả và thành tựu đạt được trong quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn như: nêu lên các vụ án tiêu biểu; các đường lối xử lý vụ án hình sự đúng đắn và nhanh chóng; các văn bản thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước (như bản án,

quyết định...) có tính mẫu mực và chính xác cao nhằm tuyên dương đồng thời làm tấm gương, tiêu chí để các chủ thể khác học tập và noi theo; các kết quả cụ thể trong công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan hoặc phối hợp giữa các quốc gia trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung hoặc đối với một tội (một nhóm tội) cụ thể.v.v...

Bên cạnh việc nêu lên các kết quả và thành tựu đạt được, các chủ thể tham gia hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự còn nêu lên những sai lầm, vướng mắc trong hoạt động áp dụng các quy phạm pháp luật vào thực tiễn giải quyết vụ án hình sự như: nêu lên các vụ án oan sai hoặc các vụ án có đường lối giải quyết sai lầm, chưa đúng đắn; các văn bản áp dụng pháp luật hình sự được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc lựa chọn sai quy định của pháp luật để áp dụng trong giải quyết vụ án hình sự hoặc áp dụng không đúng đối tượng; hoặc các vụ án hình sự quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật.v.v...

Hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung luôn là hoạt động cần phải có do các quy phạm pháp luật hình sự không phải lúc nào cũng phù hợp với thực tế xã hội, khi xã hội ngày càng có nhiều biến đổi thì các quy phạm pháp luật hình sự cũng cần sửa đổi để phù hợp với sự biến đổi đó. Trong công tác hoàn thiện pháp luật hình sự đó, hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự có ý nghĩa rất lớn. Việc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự giúp phản ánh được những vấn đề chưa phù hợp của các quy phạm pháp luật hình sự khi áp dụng vào thực tiễn, qua đó nhà làm luật sẽ phân tích và đánh giá nguyên nhân dẫn đến sự chưa phù hợp đó để đưa ra các giải pháp sửa đổi các quy phạm pháp luật hình sự sao cho tính phù hợp của các quy phạm pháp luật này đối với thực tế được nâng cao hơn, đảm bảo tính khả thi cao của các quy phạm pháp luật hình sự khi được đưa vào vận dụng để giải quyết vụ án hình sự.

3.2.5. Xây dựng án lệ và bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử

Theo từ điển Black's Law thì án lệ được hiểu như sau: “Án lệ là việc làm luật của tòa án khi công nhận và áp dụng các quy tắc mới trong quá trình xét xử”; “Vụ việc đã được giải quyết làm cơ sở để đưa ra phán quyết cho những trường hợp có tình tiết hoặc vấn đề tương tự sau này”. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, án lệ đã được áp dụng từ lâu, có những quốc gia coi án lệ là nguồn luật thứ cấp định hướng

chính trong quá trình giải quyết các vụ án như Pháp, Đức là các quốc gia theo trường phái “the civil law system”. Ở Việt Nam, án lệ mới được áp dụng trong thời gian ngắn trở lại đây, tuy chưa chứng minh được giá trị sử dụng nhưng sẽ rất quan trọng trong tương lai khi nguồn án lệ được mở rộng. Khi giải quyết vụ án theo án lệ, chắc chắn rằng những người tiến hành tố tụng sẽ hoạt động độc lập hơn so với trước kia bởi việc giải quyết một vụ án đã rất rõ ràng, không chịu tác động bởi một bên thứ hai.

3.2.6. Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất

Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất của các cơ quan pháp luật, đặc biệt là các trang thiết bị có ý nghĩa phục vụ cho công tác của những người THPT khi giải quyết các vụ án hình sự. Việc thay thế các trang thiết bị lạc hậu bằng những trang thiết bị hiện đại, đưa vào sử dụng các trang thiết bị có tính công nghệ cao góp phần giúp cho những người THPT có được những trang bị tốt nhất giúp đánh giá chính xác được những tình tiết trong một vụ án hình sự, cập nhật được những văn bản và hướng dẫn áp dụng pháp luật mới nhất. Điều này có ý nghĩa không chỉ giúp cho việc giải quyết một vụ án hình sự đạt được độ chính xác cao mà còn nhằm làm rút ngắn thời gian hoàn thành quá trình giải quyết ở mỗi giai đoạn của các cơ quan THPT, rút ngắn tổng thể thời gian giải quyết một vụ án hình sự.

Kết luận Chương 3

Chương 3 của luận văn tập trung đi sâu phân tích các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng xét xử các vụ án đối với tội: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong đó đưa ra 6 vấn đề để nâng cao chất lượng xét xử loại tội phạm này. Thứ nhất là hướng dẫn kịp thời và đồng bộ áp dụng BLHS 2015 và các văn bản pháp luật về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thứ hai là tập huấn Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng, thứ ba là cải cách thủ tục tiến hành tố tụng, thứ tư là tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, thứ năm là xây dựng án lệ và bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử, thứ sáu là nâng cao chất lượng cơ sở vật chất. Đây là các yêu cầu và giải pháp cấp thiết, phù hợp trong quá trình phát triển của xã hội và pháp luật, phù hợp với sự ra đời của bộ luật hình sự năm 2015.

KẾT LUẬN

Qua những số liệu đưa ra trong luận văn cũng như tình hình thực tế tại tỉnh Quảng Ninh, có thể thấy rằng các tội phạm xâm phạm tính mạng sức khỏe của người khác ngày càng có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng như các tội phạm khác trong chương 12 BLHS vẫn là nỗi lo lắng của các cấp chính quyền và cơ quan an ninh tỉnh Quảng Ninh. Phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử đã khó khăn, đấu tranh phòng ngừa tội phạm này càng khó khăn hơn gấp nhiều lần bởi loại tội phạm này liên qua đến đặc thù địa phương là tỉnh vùng biên, lại phát triển cùng hoạt động khai thác khoáng sản. Vụ xả súng hoa cải làm 6 người thiệt mạng trong một cuộc thanh toán do mâu thuẫn khai thác than xảy ra ngày 15/12/2008 chính là một trong những vụ án điển hình dẫn đến tình trạng sử dụng súng đạn để giải quyết mâu thuẫn tại Quảng Ninh.

Trước tình hình phát triển của tội phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, yêu cầu đặt ra đối với không chỉ các cơ quan pháp luật của tỉnh Quảng Ninh mà còn là đối với các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự cũng như toàn thể nhân dân là phải tìm ra các biện pháp nhằm hướng tới loại bỏ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy việc nghiên cứu các nội dung lý luận của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực tiễn hoạt động xử lý loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là cần thiết, có ý nghĩa đóng góp những giá trị lý luận và thực tiễn giúp cho các cơ quan pháp luật của tỉnh Quảng Ninh và cả các cơ quan pháp luật của các địa phương khác trên cả nước có thêm những kiến thức, những kinh nghiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống và xử lý loại tội phạm này.

Với ý nghĩa tìm hiểu các nội dung pháp lý của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhằm làm tiền đề cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào xử lý hình sự đối với loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói riêng và trên cả nước nói chung, luận văn đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để làm rõ các nội dung pháp lý của tội danh này trên nhiều khía cạnh cơ bản bao gồm: khái niệm, các dấu hiệu nhận biết

các dấu hiệu cơ bản và dấu hiệu định khung tăng nặng hình phạt của tội danh, phân biệt tội danh với một số tội danh khác dễ gây nhầm lẫn, quá trình xây dựng và phát triển của các quy định của pháp luật về tội danh qua các thời kỳ lịch sử lập pháp, các vấn đề pháp lý cơ bản về định tội danh và QĐHP đối với tội danh.

Trên cơ sở lý luận vững chắc về các nội dung pháp lý của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được làm rõ, luận văn đi vào phân tích việc vận dụng các quy phạm pháp luật hình sự và các nội dung pháp lý của tội danh trong hoạt động thực tiễn xét xử tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, thể hiện qua hai hoạt động là hoạt động định tội danh và hoạt động QĐHP. Từ việc đối chiếu thực tiễn hoạt động định tội danh và hoạt động QĐHP của các cơ quan THTT tỉnh Quảng Ninh với các quy phạm pháp luật hình sự hiện có và các nội dung lý luận, trên cơ sở tính cấp thiết của yêu cầu xử lý loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay, luận văn chỉ ra những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc, bất cập trong hai hoạt động này và đề xuất những kiến nghị liên quan tới việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và hoạt động áp dụng pháp luật, nâng cao năng lực của cán bộ pháp luật và ý thức pháp luật của cộng đồng... nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào xử lý loại tội phạm này trên thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

01. Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2014/HSST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
02. Bản án hình sự sơ thẩm số: 161/2013/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
03. Bản án hình sự sơ thẩm số: 266/2013/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
04. Bản án hình sự sơ thẩm số: 244/2014/HSST ngày 20/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
05. Bản án hình sự sơ thẩm số: 02 ngày 18/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.
06. Bản án số: 08/2013/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Tòa án Nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh
07. Bản án số: 142/2013/HSST ngày 26/9/2013 của TAND tỉnh Quảng Ninh.
08. Bộ chính trị, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp thời gian tới.
09. Bộ chính trị, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
10. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, ban hành kèm theo thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014.
11. Lê Cẩm (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (một số vấn đề chung về định tội danh)*, Nxb Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
12. Chính phủ (1945), Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945.
13. Chính phủ (1955), Thông tư số 442-TTg ngày 19/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ chính thức quy định tội CYGTT.
14. Chính phủ (1976), Sắc lệnh số 03 của Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.
15. Đỗ Đức Hồng Hà (2004), *Phân biệt tội giết người và tội CYGTT*, Tạp chí TAND.

16. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Mô hình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (2004), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (2006), *Tự điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
19. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/1989/NQ-HĐTP ngày 19/4/1989.
20. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000.
21. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006.
22. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 02/1988/NQ-HĐTP ngày 10/11/1988.
23. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003.
24. HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 04/1986/NQ-HĐTP ngày 19/11/1986.
25. Nguyễn Trung Hưng (2007), *Tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân trong tội CYGTT – Sự không thống nhất trong nhận thức và áp dụng*, Tạp chí TAND.
26. Trần Minh Hường, *Một số khó khăn vướng mắc trong việc áp dụng điều 104 BLHS Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*, Tạp chí kiểm sát số 10/2011.
27. Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và QĐHP*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
28. Nguyễn Nông (2005), *Phân biệt tội Giết người với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người*, Tạp chí kiểm sát số 21/2005.
29. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 – Phần riêng*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.

30. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 – Phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
31. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, BLHS năm 1999, Nxb chính trị quốc gia.
32. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Nxb Chính trị quốc gia.
33. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia.
34. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012.
35. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013.
36. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nghị quyết số 32/1999/NQ-UBTVQH10, ngày 21/12/1999 về thi hành BLHS.
37. Bùi Quang Thạch (2002), *Bàn về một số tình tiết tăng nặng TNHS được bỏ sung ở khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999*, Tạp chí kiểm sát.
38. Đỗ Thị Thanh, *Vấn đề giám định trong việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại điều 104 BLHS*, Tạp chí TAND, số 23/2008.
39. Bùi Văn Thịnh (2003), *Phòng ngừa tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người bằng biện pháp quản lý, giáo dục cải tạo những người có nhân thân xấu ở địa bàn cơ sở*, Tạp chí Kiểm sát.
40. Vũ Xuân Thu (2003), *Góp phần làm rõ hơn các khái niệm Tội phạm có tổ chức*, Tạp chí kiểm sát.
41. Nguyễn Thị Thụy (2007), *Những khó khăn vướng mắc của hoạt động giám định tư pháp*, Tạp chí kiểm sát.
42. Tòa án nhân dân Tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 1 (1945-1974), Hà Nội.
43. Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 03/TATC, ngày 22/10/1987.
44. Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 140/KHXX, ngày 11/12/1998.

45. Trường Đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 229/2000/NQ-UBTVQH10, ngày 28/01/2000 về triển khai Mục 3, Nghị quyết số 32/1999/QH10.
47. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12, ngày 30/6/2011 về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.
48. Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người – Giáo trình giảng dạy sau Đại học*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật – Những vấn đề cơ bản*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật – Những vấn đề cơ bản*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
51. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
52. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
53. Võ Khánh Vinh, *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.